

Tên Công ty đại chúng:

CTY CỔ PHẦN XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: 2045 Trần Hưng Đạo, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang, Việt Nam

Điện thoại: 84 2963 932963 Fax: 84 2963 932981

E-mail: xnknstpagg@hcm.vnn.vn – Website: www.afiex.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG:	3
I.1. Thông tin khái quát:	3
I.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:	4
I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:	5
I.4. Định hướng phát triển :	7
I.5. Các rủi ro chính trong hoạt động của doanh nghiệp:	8
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:	9
II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh :	9
II.2. Tổ chức và nhân sự:	11
II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	16
II.4. Tình hình tài chính:	18
II.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu:	19
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:	20
III.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:	20
III.2. Tình hình tài chính:	24
III.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:	24
III.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:	25
III.5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty:	30
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:	31
IV.1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Cty:	31
IV.2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty:	32
IV.3. Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị:	33
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:	34
V.1. Hội đồng quản trị:	34
V.2. Ban kiểm soát:	35
V.3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:	36
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:	38

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên Công ty: CÔNG TY CP XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Năm báo cáo: 2019

I. THÔNG TIN CHUNG:

I.1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang

- Tên tiếng Anh: An Giang Agriculture and Foods Import – Export Joint Stock Company

- Tên viết tắt: AFIEX

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 1600194461 do Sở Kế hoạch và Đầu tư An Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 14 tháng 07 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 05 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 05 năm 2014; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 06 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 12 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 04 năm 2017; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 08 năm 2019.

- Vốn điều lệ : 350.000.000.000 VND

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 350.000.000.000 VND

- Trụ sở chính : số 2045 Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

- Điện thoại : (0296) 3932 963

- Fax : (0296) 3932 981

- E-mail : xnkstpagg@hcm.vnn.vn

- Website : http://www.afix.com.vn

- Mã cổ phiếu : AFX

- Quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập năm 1990 theo Quyết định số 71/QĐ.UB.TC ngày 10/02/1990 của UBND tỉnh An Giang với tên gọi Công ty XNK Nông Thủy sản An Giang, hoạt động theo loại hình doanh nghiệp nhà nước. Đổi tên và thành lập lại với tên gọi Công ty XNK Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 69-QĐ/UB ngày 29/01/1996 của UBND tỉnh An Giang, loại hình doanh nghiệp

nhà nước. Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22/09/2010 của UBND tỉnh An Giang và chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần từ ngày 01/4/2011.

Trở thành Công ty đại chúng theo văn bản số 148/CQĐD-NV ngày 06/7/2011 của Ủy ban chứng khoán nhà nước - cơ quan đại diện tại TP Hồ Chí Minh. Đủ điều kiện trở thành Công ty đại chúng quy mô lớn theo qui định của Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài Chính.

Công ty đã đăng ký chứng khoán và được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp mã chứng khoán theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 108/2016/GCNCP-VSD ngày 29/09/2016.

Cổ phiếu của Công ty được chấp thuận đăng ký giao dịch trên hệ thống cho chứng khoán chưa niêm yết (UPCoM) tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 758/QĐ-SGDHN ngày 21/11/2016 và được chính thức giao dịch trên thị trường này vào ngày 02/12/2016 theo Thông báo số 1212/TB-SGDHN ngày 21/11/2016.

I.2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

I.2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Các lĩnh vực kinh doanh chính: lương thực và thức ăn chăn nuôi thủy sản.

Các lĩnh vực kinh doanh khác: chăn nuôi gia súc, nuôi thủy sản, dịch vụ chăn nuôi, dịch vụ giao nhận hàng hóa XNK, liên doanh bán lẻ tổng hợp....

I.2.1.a. Kinh doanh chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản:

Với năng lực kho chứa: 22.000 Tấn cho kho nguyên liệu, 1.000 Tấn cho kho thành phẩm. Công suất thiết kế 100.000 Tấn/năm bao gồm 04 dây chuyền sản xuất theo công nghệ Hà Lan, Mỹ, Đài Loan. Hiện nay, Chi nhánh đã cung cấp ra thị trường 53 loại sản phẩm khác nhau với các loại thức ăn ở dạng bột, cán mảnh, viên, viên nổi cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và thủy sản. Trong đó thức ăn cho thủy sản là thế mạnh của TĂCN, hiện các sản phẩm dành cho cá có vảy, cá lóc, cá kèo, cá trê vàng đang là những sản phẩm chiến lược được ưu chuộng trên thị trường.

I.2.1.b. Kinh doanh chế biến lương thực:

Trong những năm qua, Afifex đã cung cấp các loại gạo trắng xuất khẩu: 5%, 10%, 15%, 25% tấm, gạo thơm, gạo cao cấp...cho các thị trường Châu Á... Năng lực kho chứa (qui gạo) 80.000 Tấn, công suất chế biến xát trắng và lau bóng gạo

200.000 Tấn/năm, tách hạt khác màu 40.000 Tấn/năm, sẩy lúa công nghiệp 50.000 Tấn/năm, xay xát lúa 36.000 Tấn/năm.

I.2.2. Địa bàn kinh doanh:

- Thị trường trong nước: Chủ yếu ở các tỉnh Đồng Bằng Sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh thành khác trên cả nước.

- Hoạt động xuất khẩu – nhập khẩu chủ yếu:

+ Xuất khẩu: Gạo, nông sản cho các thị trường Châu Á.

+ Nhập khẩu: Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, thuốc thú y ở các thị trường Châu Mỹ Latin, Châu Á và Châu Âu....

I.3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

I.3.1. Mô hình quản trị:

Theo loại hình Công ty Cổ Phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc. Trong đó:

- **Đại Hội đồng Cổ Đông:** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

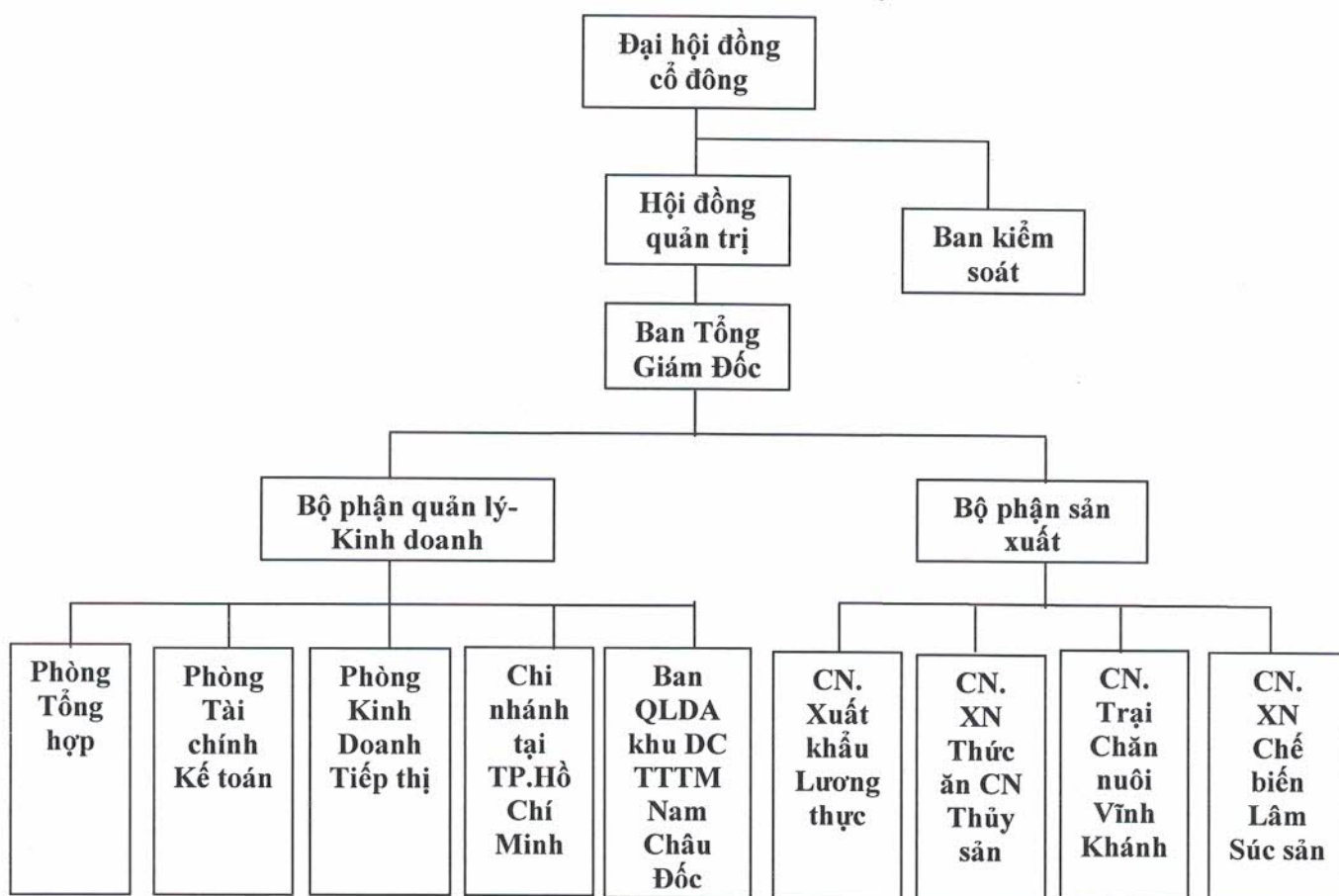
- **Hội đồng quản trị:** là cơ quan quản lý, có thẩm quyền quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Số thành viên của HĐQT gồm 07 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm.

- **Ban Kiểm soát:** là cơ quan trực thuộc Đại Hội Đồng Cổ Đông, do Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu ra gồm 03 thành viên với nhiệm kỳ 05 năm. Ban Kiểm Soát bao gồm những người thay mặt Cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất, kinh doanh của Công ty.

- **Ban điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc:** là bộ máy quản lý chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động của Công ty, nhằm thực hiện các nghị quyết, các kế hoạch kinh doanh và đầu tư của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.

I.3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CP XNK NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG



- Các đơn vị trực thuộc Công ty:

Trụ sở chính Công Ty CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Địa chỉ: 2045 Trần Hưng Đạo, P.Mỹ Thới, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3932 963–(84.296) 3932 985 -Fax: (84.296) 3 932 981

CN CTy CP XNK NSTP An Giang tại Thành Phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: Tầng 01, 283/26-28 Đường Cách Mạng Tháng 8, Phường 12, Quận 10, TP.HCM

Điện thoại: (84.28) 38621 041 - Fax: (84.28) 38621 092.

CN Cty CP XNK NSTP An Giang - Xuất Khẩu Lương Thực

Địa chỉ: Đường Nguyễn Công Hoan, Khóm Thạnh An, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3834 295–(84.296) 3834 410 - Fax: (84.296) 3834 409.

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Xí nghiệp Thức Ăn Chăn Nuôi Thủy Sản

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, P.Mỹ Thạnh, TP.Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3831 540 - Fax: (84.296) 3831 230.

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Trại Chăn Nuôi Vĩnh Khánh

Địa chỉ: Tỉnh Lộ 943, Xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3736 306 - Fax: (84.296) 3891 370.

CN CTy CP XNK NSTP An Giang - Xí Nghiệp Chế Biến Lâm Súc Sản

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, Đông Thạnh B, Phường Mỹ Thạnh, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3834 146 - Fax: (84.296) 3834 146.

Ban Quản Lý Dự Án Khu Dân Cư Trung Tâm TM Nam Châu Đốc

Địa chỉ: Quốc Lộ 91, Xã Mỹ Đức, Huyện Châu Phú, Tỉnh An Giang

Điện thoại: (84.296) 3575 115 - Fax: (84.296) 3575 790.

(Ban Quản Lý đã được giải thể theo Quyết định số 93/QĐ-AFX vào 31/12/2019)

I.3.3. Công ty liên doanh, liên kết:

Danh sách tên các CTy liên doanh	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	Vốn điều lệ (Tr.đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Aflix
CTy TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	Tổ 21, Khóm Châu Quới 3, Phường Châu Phú B, TP. Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Kinh doanh siêu thị	75.000	25%

(Xin xem thêm thuyết minh ở phần II, khoản 3 “Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án”, mục 3.3 “Công ty liên doanh, liên kết”).

I.4. Định hướng phát triển :

- **Mục tiêu chủ yếu:** Tái cơ cấu toàn diện hoạt động Công ty, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh và tăng trưởng ổn định, đa dạng hóa mặt hàng, sản phẩm, đáp ứng nhu cầu ngày càng khắc khe của thị trường; tăng cường hoạt động marketing, nghiên cứu mở rộng quy mô, phạm vi kinh doanh nhằm tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông.

- **Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn:** thực hiện theo Đề án Tái cơ cấu hoạt động của Công ty giai đoạn 2016 – 2020 đã được ĐHĐCĐ bất thường ngày 16/12/2016 biểu quyết thống nhất thông qua với mục tiêu khẩn trương cắt lỗ, kinh doanh có lãi, từ năm 2018 trở đi Công ty có thể chia được cổ tức cho cổ đông. Để đạt được mục tiêu trên, Công ty tiếp tục thực hiện các nhóm giải pháp tái cơ cấu: tái cơ cấu hoạt động, tái cơ cấu tài sản, tái cơ cấu tài chính, các giải pháp hỗ trợ khác.

- **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:** chú trọng cải tiến đổi mới công nghệ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, dịch vụ; đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, nguyên vật liệu và giảm thiểu tác động ô nhiễm môi trường. Hướng đến phát triển bền vững, gắn với trách nhiệm xã hội và quan tâm đến lợi ích cộng đồng.

I.5. Các rủi ro chính trong hoạt động của doanh nghiệp:

I.5.1. Rủi ro kinh tế:

Ảnh hưởng thương mại toàn cầu, tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, các chính sách tài chính, tín dụng ... tác động lớn đến sản xuất kinh doanh của Công ty.

I.5.2. Rủi ro tỷ giá, lãi suất:

- Rủi ro tỷ giá: biến động về tỷ giá ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu hoạt động của Công ty, cả lĩnh vực xuất khẩu và nhập khẩu.

- Rủi ro lãi suất: biến động lãi suất ảnh hưởng đến lãi vay, tác động trực tiếp đến chi phí và lợi nhuận.

I.5.3. Rủi ro về kinh doanh:

- Rủi ro về thị trường tiêu thụ: biến động cung cầu, áp lực cạnh tranh về nguồn cung và giá bán đến từ các nước và doanh nghiệp cùng ngành, sự thay đổi chính sách nhập khẩu, các rào cản phi thuế quan gia tăng, nhất là yêu cầu ngày càng cao về các tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm của các nước nhập khẩu... ảnh hưởng lớn đến thị trường tiêu thụ của Công ty.

- Rủi ro tài chính: trong điều kiện kinh tế khó khăn làm gia tăng nguy cơ các doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản, xuất hiện những rủi ro phát sinh từ các khoản phải thu, các khoản ứng trước với khách hàng.

- Rủi ro về giá: biến động giá mua, giá bán đều ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh, đặc biệt là nguyên liệu nhập khẩu, giá tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi và giá lương thực xuất khẩu.

I.5.4. Rủi ro khách quan khác:

- Rủi ro về biến đổi khí hậu, tình trạng xâm nhập mặn, ô nhiễm môi trường, thoái hoá đất làm năng suất và chất lượng lúa gạo vùng ĐBSCL trong những năm tới bị giảm sút. Rủi ro về dịch bệnh gia súc nhất là bệnh dịch tả lợn Châu Phi đã ảnh hưởng đến giá cả sản phẩm chăn nuôi và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi.

- Rủi ro từ sự thay đổi hoặc không ổn định của Chính sách Nhà nước, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

II.1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

II.1.1. Những thuận lợi cơ bản:

- Tập trung thực hiện Đề án tái cơ cấu (ĐATCC) đã được ĐHCĐ thông qua, tăng cường quản lý, điều hành để giữ ổn định hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, khai thác các thay đổi tích cực của thị trường để thúc đẩy tăng trưởng các ngành nghề có lợi thế, bù đắp suy giảm cho các lĩnh vực gặp khó khăn.

- Đạt được kết quả bước đầu trong triển khai thực hiện ĐATCC hoạt động Công ty, nhất là các giải pháp tái cơ cấu tài sản, sắp xếp lao động đã góp phần cải thiện khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh.

- Các yếu tố thuận lợi của thị trường cùng với nỗ lực chủ quan trong việc giám sát, kiểm soát nguyên vật liệu tồn kho, giá thành, giá bán và chính sách bán hàng trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đã duy trì được hiệu quả.

- Hoạt động đầu tư góp vốn vào đơn vị CTy TNHH Sài Gòn Châu Đốc và góp vốn liên doanh vào CTy TNHH TM Sài Gòn An Giang tiếp tục phát huy hiệu quả. Lợi nhuận được chia năm 2018 góp phần bổ sung lợi nhuận toàn Công ty.

- Giữ ổn định các lĩnh vực hoạt động khác, kiểm soát và thực hiện các giải pháp giảm lỗ đối với các hoạt động/đơn vị gặp khó khăn trong năm.

II.1.2. Những khó khăn chủ yếu:

- Ngành kinh doanh lương thực vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Nguyên nhân chủ yếu do bất lợi của thị trường nhất là các thay đổi về sách trong kinh

doanh lúa gạo của các nước nhập khẩu, từ đó đã làm sản lượng sản xuất và tiêu thụ mặt hàng này suy giảm mạnh. Doanh thu giảm, định phí cao nên phát sinh lỗ.

- Ngành chế biến thức ăn chăn nuôi gia súc gia cầm và thủy sản cũng tồn tại nhiều khó khăn. Do bất lợi của tình hình chăn nuôi, chủ yếu là tình hình dịch bệnh tả heo Châu Phi, tình hình thị trường giá cá tra giảm thấp kéo dài nên hộ nuôi sụt giảm, nguồn cung thức ăn chăn nuôi tăng nhiều do một số nhà máy mới có công nghệ hiện đại với công suất lớn đi vào hoạt động nên cạnh tranh gay gắt trong việc giành giật thị phần tiêu thụ. Bên cạnh đó hệ thống máy móc thiết bị sản xuất đã sử dụng nhiều năm, bố trí mặt bằng phân tán, tỷ lệ hao hụt chế biến còn cao, thành phẩm chất lượng chưa ổn định đã phần nào ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Chi nhánh.

- Hoạt động dịch vụ giao nhận đang gặp nhiều khó khăn do các yếu tố: phụ thuộc vào một đối tác khách hàng, làm gia tăng các đối thủ cạnh tranh, xu hướng tăng mua nội địa thay cho nhập khẩu, các doanh nghiệp đều có bộ phận Logistic riêng... Với việc đối tác thực hiện cơ chế đấu giá cạnh tranh, hoạt động này ngày càng khó khăn hơn.

- Tình hình dịch bệnh tả heo Châu Phi lan rộng đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động chăn nuôi heo của Công ty. Việc tiêu hủy heo bệnh với số lượng lớn theo quy định bắt buộc của Cơ quan Thú y đã làm tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty bị sụt giảm nghiêm trọng. Với số lượng heo không còn nhiều, nếu muốn thực hiện công tác tái đàn Công ty cần kinh phí, thời gian và công sức nên mảng chăn nuôi heo đang bị đình trệ.

- Do giá cá tra chưa có tín hiệu khả quan, đầu ra cá thương phẩm vẫn đang ách tắc vì giá bán thấp, lượng cá quá lứa ngày càng tăng, lĩnh vực nuôi cá ngày càng khó khăn.

- Việc bàn giao Bất động sản đầu tư tại khu dân cư TTTM Nam Châu đốc cho địa phương quản lý theo quy định cũng tác động đến hiệu quả Công ty do phải kết chuyển giá trị còn lại bất động sản đầu tư vào chi phí khác.

- Ngoài khó khăn về kinh doanh, Công ty phải thực hiện phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh hàng năm trên 5,6 tỷ đồng, tạo thêm áp lực về tình hình tài chính.



*** Tình hình thực hiện so kế hoạch năm 2019:**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	So sánh TH/KH
Tổng giá trị tài sản	473.358		
+ Tài sản ngắn hạn	327.931		
+ Tài sản dài hạn	145.427		
Tổng doanh thu thuần	778.438	1.000.000	77,84%
Tổng chi phí	778.238	992.000	78,45%
Lợi nhuận trước thuế	200	8.000	2,50%
Trong đó			
+ Lợi nhuận HĐKD	9.900	8.000	123,75%
+ Lỗ khách quan do tiêu hủy heo bị bệnh dịch tả Châu Phi	(9.700)		
Lợi nhuận sau thuế	123	7.886	1,55%
Lãi cơ bản/CP (đồng)	3,50	225,31	1,55%

Doanh thu thực hiện năm 2019 chỉ đạt 77,84% so với kế hoạch năm, nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ tình hình thị trường của ngành kinh doanh lương thực và tình hình dịch bệnh dịch tả heo Châu Phi, giá cả tra thương phẩm giảm sâu... đã làm doanh thu hoạt động của Công ty bị sụt giảm 22,16% và ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả kinh doanh. Đồng thời, việc tiêu hủy heo bệnh dịch tả Châu Phi làm hiệu quả kinh doanh Công ty lỗ khách quan 9.700 triệu đồng. Nếu không chịu ảnh hưởng bởi yếu tố bất lợi này thì Công ty đã hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2019 được ĐHCĐ giao.

II.2. Tổ chức và nhân sự:

II.2.1. Danh sách Ban điều hành tại thời điểm 31/12/2019:

S t t	Họ và Tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết	Tổng số cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết
1	Nguyễn Thanh Xuân (*)	Tổng Giám Đốc - Thành viên HĐQT	10,23%	3.582.200
2	Phạm Ngọa Long (*)	Phó Tổng Giám Đốc - Thành viên HĐQT	10,23%	3.578.900
3	Trần Xuân Phúc	Phó Tổng Giám Đốc - Thành viên HĐQT	0,06%	21.800
5	Trần Kim Uyên	Kế Toán Trưởng CTy	0,11%	40.200

(*) Xin xem thêm thuyết minh phần V “Quản trị Công ty”, mục 1: Hội đồng quản trị

- Tóm tắt lý lịch cá nhân:

Họ và tên:	: NGUYỄN THANH XUÂN
Giới tính:	: Nam
Ngày, tháng, năm sinh:	: 24/02/1967
Nơi sinh	: Mỹ Hiệp, Chợ Mới, An Giang
CMND	: 350724248 ngày cấp 06/09/2004, nơi cấp: Công An An Giang
Quốc tịch	: Việt Nam
Dân tộc	: Kinh
Địa chỉ thường trú	: 1852 Trần Hưng Đạo, Tp. Long Xuyên, An Giang
Số điện thoại liên lạc:	: 0913877037
Trình độ chuyên môn:	: Cử nhân Kinh Tế - Tài Chính kế toán
Quá trình công tác:	: <ul style="list-style-type: none">- Tháng 12/1987 - 12/1989: Công tác tại CTy Xây Dựng Huyện Chợ Mới - An Giang- Tháng 1/1990 - năm 1997: Công tác tại CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang- Từ năm 1997 - tháng 02/2010: Giám đốc Xí Nghiệp Xuất Khẩu Lương Thực (trực thuộc Công ty AFIEX)- Từ Tháng 03/2010 đến tháng 3/2011: Phó Tổng Giám Đốc CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang- Từ tháng 4/2011 đến tháng 6/2016: Phó Tổng Giám Đốc CTy CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
Các chức vụ công tác hiện nay tại Cty Aflix	: <ul style="list-style-type: none">- Thành viên Hội đồng quản trị- Tổng Giám đốc Công ty
Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác	: Không

Số CP nắm giữ (tại thời
điểm hiện nay) : 3.582.200

+ Trong đó: Cá nhân sở
hữu : 82.200

Họ và tên: : **PHẠM NGỌA LONG**

Giới tính: : Nam

Ngày tháng năm sinh: : 28/04/1963

Nơi sinh : Châu Phú B, TX. Châu Đốc, An Giang

CMND : 350049624 ngày cấp 08/11/2005, nơi cấp: Công
An An Giang

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Địa chỉ thường trú : 34A, Bùi Văn Danh, Phường Đông Xuyên, Tp.
Long Xuyên, An Giang

Số điện thoại liên lạc: : 0913971998

Trình độ chuyên môn: : Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác: : - Tháng 04/1986 - 12/1989: Kế toán tổng hợp
XN Đông Lạnh Thủy sản, trực thuộc CTy XNK
Thủy Sản Tỉnh An Giang
- Tháng 01/1990 - 12/1995: Phó phòng kế toán
CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang
- Tháng 01/1996 - tháng 3/2011: Kế toán trưởng
CTy XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang
- Từ tháng 4/2011 đến nay: Phó Tổng Giám Đốc
CTy CP XNK Nông Sản Thực Phẩm An Giang

Các chức vụ công tác : - Thành viên Hội đồng quản trị
hiện nay tại Cty Aficx - Phó Tổng Giám đốc Công ty

Các chức vụ hiện đang : Không
nắm giữ tại tổ chức khác

Số CP nắm giữ (tại thời
điểm hiện nay) : 3.578.900



+ Trong đó: Cá nhân sở hữu : 78.900

Họ và tên : **TRẦN XUÂN PHÚC**
Giới tính : Nam
Ngày tháng năm sinh : 07/04/1966
Nơi sinh : Thừa Thiên - Huế
CMND : 350797532 Cấp ngày 15/3/2012 tại CA An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 494C/25 Quán Cơ Thành, Bình Khánh, TP.LX, An Giang
Số điện thoại liên lạc: : 0913971073
Trình độ chuyên môn: : Đại Học chính quy ngành Trồng Trọt
Quá trình công tác: :
- Tháng 11/1987 - tháng 10/1989 : Cán bộ Kỹ thuật-Cty Dịch vụ KTNN Thị xã Long Xuyên- An Giang.
: - Tháng 03/1991 - tháng 06/1993 : Nhân viên Cung ứng Cửa hàng bách hóa Tổng hợp - CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang.
: - Tháng 07/1993 - tháng 12/1995 : Tổ trưởng Tổ Cung ứng Phân xưởng CB Lương thực - CTy XNK Nông Thủy Sản An Giang.
: - Tháng 01/1996 - tháng 02/1998 : Phó Quản đốc Phân xưởng CB Lương thực-CTy XNK Nông sản Thực phẩm An Giang.
: - Tháng 03/1998 - tháng 08/2000 : Phó Giám đốc Xí nghiệp XK Lương thực - CTy XNK Nông sản Thực phẩm An Giang.
- Tháng 09/2000 - tháng 3/2011: Phó Giám đốc Chi Nhánh XK Lương thực - CTy XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
-Tháng 4/2011 - tháng 06/2016 : Phó Giám đốc Chi Nhánh XK Lương thực - CTy CP XNK Nông sản Thực phẩm An Giang.
- Tháng 07/2016 đến nay : Phó Tổng Giám đốc CTy CP XNK Nông sản Thực phẩm An

Giang.

Các chức vụ công tác : Phó Tổng Giám đốc Công ty
hiện nay tại Cty Aflix
Các chức vụ hiện đang : Không
nắm giữ tại tổ chức
khác
Số CP nắm giữ (tại thời : 21.800
điểm hiện nay)
+ Trong đó: Cá nhân sở : 21.800
hữu

Họ và tên: : **TRẦN KIM UYÊN**
Giới tính: : Nữ
Ngày tháng năm sinh: : 01/04/1966
Nơi sinh : Châu Phú - Châu Đốc – An Giang
CMND : 350648588 ngày cấp 24 tháng 10 năm 2009, nơi
cấp An Giang
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Địa chỉ thường trú : 63 Chi Lăng, Khóm 5, Phường Châu Phú A,
Thị Xã Châu Đốc, An Giang
Số điện thoại liên lạc : 0903851532
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác : - Tháng 01/1986 - 12/1989: Công tác tại Cty
Thủy sản An Giang
- Tháng 01/1990 - 08/1990: Công tác Ban
thanh lý Công nợ Công ty Thủy sản An Giang
- Tháng 09/1990 - 12/1995: Công tác tại Công
ty XNK Nông Thủy sản An Giang
- Tháng 01/1996 - 03/2011 Công tác tại Công
ty XNK Nông sản Thực phẩm An Giang
- Tháng 04/2011 đến nay Công tác tại Công ty
Cổ phần XNK Nông sản Thực phẩm An Giang

Các chức vụ công tác : Kế toán trưởng Công Ty
hiện nay tại Cty Afix

Các chức vụ hiện đang : Không
nắm giữ tại tổ chức
khác

Số CP nắm giữ (tại thời : 40.200
điểm hiện nay)

+ Trong đó: Cá nhân sở : 40.200
hữu

II.2.2.Những thay đổi trong ban điều hành: Không có.

II.2.3.Số lượng cán bộ, công nhân viên và các chính sách đối với người lao động:

- Số lượng cán bộ, công nhân viên:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2018	% tăng giảm
Tổng số lao động cuối kỳ	247	246	100,40%
+ Tăng trong kỳ	17	12	141,67%
+ Giảm trong kỳ	16	24	66,67%

- Trình độ chuyên môn của cán bộ, công nhân viên:

Trình độ chuyên môn	Năm 2019		Năm 2018	
	Số lao động	% lao động chuyên môn /tổng lao động	Số lao động	% lao động chuyên môn /tổng lao động
+ Cao học	1	0,40%	2	0,81%
+ Đại học, cao đẳng	92	37,10%	88	35,63%
+ Trung cấp	53	21,37%	56	22,67%

- Chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, ốm đau, thai sản... theo qui định hiện hành.

II.3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

II.3.1.Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2019, Công ty thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm, lắp đặt các trang thiết bị, cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ SXKD. Trong đó, tổng giá trị tài

sản tăng trong năm: 1.345 triệu đồng và tổng chi phí sửa chữa là 768 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- CN XN Thức ăn chăn nuôi thủy sản: Hoàn thành mua sắm hệ thống cân ô tô 80 Tấn có giá trị 217 triệu đồng, nhập mua 2 xe nâng hàng giá trị 505 triệu đồng, xe tải 2,49 tấn giá trị 432 triệu đồng, hoàn thành nhập mua 2 thiết bị xác định hàm lượng ẩm với giá trị 97 triệu đồng. Đồng thời đã thực hiện đấu thầu thực hiện 2 dự án đầu tư lớn là Cải tạo tại Chiatung 1 với giá trị hợp đồng đã ký là 3.912 triệu đồng, đến nay công trình đã thi công lắp đặt khoảng 90% dự trù tháng 03 năm 2020 nghiệm thu; và công trình lắp đặt lò hơi 12 tấn/giờ đốt trấu rời với giá trị hợp đồng lắp đặt thiết bị đã ký là 4.950 triệu đồng, đã thi công lắp đặt khoảng 40%, hạn mục dự kiến nghiệm thu tháng 04 năm 2020. Bên cạnh đó Xí nghiệp còn thực hiện các công trình sửa chữa với tổng giá trị là 478 triệu đồng như: chi phí thay tole kho A (PX2) 285 triệu đồng, chi phí sửa đường nội bộ 80 triệu đồng, sửa kho lưu dùng, sửa kho thành phẩm, sửa lò hơi số 1...

- CN Xuất Khẩu Lương Thực: đã mua bổ sung Hệ thống cân tự động TC30 với giá trị 94 triệu đồng và các công trình sửa chữa nhỏ với giá trị 12 triệu đồng.

- CN XN Chế Biến Lâm Súc Sản: thực hiện cải tạo xây mới hệ thống cống thoát nước với giá trị 91 triệu đồng.

- CN Trại Chăn Nuôi Vĩnh Khánh: hoàn tất các hạng mục công trình sửa chữa, nâng cấp ô lồng nái mang thai và nuôi con với tổng giá trị 162 triệu đồng, hoàn thiện 2 bè sắt cho cá ăn với giá trị 25 triệu đồng.

II.3.2. Đầu tư góp vốn vào Đơn vị khác:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên đơn vị	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tình hình tài chính năm 2019				
			Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu thuần HĐKD	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
CTy TNHH TM Sài Gòn - An Giang	28/10/2003	Kinh doanh siêu thị tự chọn	166.918	80.487	380.649	15.959	12.291

* Ghi chú: Nguồn cung cấp số liệu của CTy TNHH TM Sài Gòn - An Giang là báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

II.3.3. Đầu Tư vào Công ty liên doanh, liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên đơn vị	Ngày thành lập	Hoạt động kinh doanh chính	Tình hình tài chính năm 2019				
			Tổng tài sản	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu thuần HĐKD	Lợi nhuận trước thuế	Lợi nhuận sau thuế
CTy TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	13/05/2015	Kinh doanh bất động sản	97.833	83.529	11.543	7.854	6.283

* Ghi chú: Nguồn cung cấp số liệu của Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc là báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

II.4. Tình hình tài chính:

II.4.1. Tình hình tài chính:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu so sánh	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2018	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	473.358	495.635	(4,49)
Doanh thu thuần	773.148	870.262	(11,16)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.697	6.106	58,80
Lợi nhuận khác	(9.497)	1.106	(958,49)
Lợi nhuận trước thuế	200	7.212	(97,23)
<i>Trong đó</i>			
+ Lợi nhuận HĐKD	9.900	7.212	37,26
+ Lỗ khách quan do tiêu hủy heo bị bệnh dịch tả Châu Phi	(9.700)	-	
Lợi nhuận sau thuế	123	6.021	(97,97)
Lãi cơ bản/CP	4	172	(97,97)

II.4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	2,87	2,53
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,46	0,49

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	Năm 2018
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	24,25	26,56
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	32,01	36,16
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	2,75	3,61
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	1,63	1,76
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,02	0,69
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	0,03	1,65
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	0,03	1,21
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	%	1,25	0,70

II.5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi đầu tư của chủ sở hữu:

II.5.1. Cổ phần:

- Tổng số lượng cổ phần: 35.000.000 Cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông.
 - + Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do: 35.000.000 cổ phiếu.
 - + Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phiếu.

II.5.2. Cơ cấu cổ đông:

Stt	Cơ cấu cổ đông đến 15/05/2019	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I.	Cổ đông trong nước		35.000.000	100,00%
1	Tổ chức	5	28.270.400	80,78%
	- Tổng Công Ty CP Kinh doanh Đầu Tư Vốn Nhà Nước (SCIC)		17.850.000	51,00%
	- Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam – Công ty cổ phần		7.181.650	20,52%
	- CTy TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang		3.018.750	8,63%
	- CTy TNHH XNK Đồng Lợi		200.000	0,57%
	- Công đoàn Công ty		20.000	0,06%
2	Cá nhân	716	6.729.600	19,22%
II.	Cổ đông ngoài nước		-	-

Stt	Cơ cấu cổ đông đến 15/05/2019	Số lượng cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổ chức		-	-
2	Cá nhân		-	-

II.5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không.

II.5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

II.5.5. Các chứng khoán khác: Không.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

III.1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

III.1.1. Đánh giá chung về kết quả kinh doanh:

- Vai trò phối hợp, hỗ trợ kịp thời của SCIC đã phát huy tác dụng tích cực. Sự nỗ lực, sâu sát của HĐQT, quyết tâm của BDH và tập thể người lao động trong Công ty đã giúp từng bước vượt qua khó khăn trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Bằng các giải pháp đồng bộ Chi nhánh - Xí nghiệp thức ăn chăn nuôi Thủy sản đã thực hiện tốt từ khâu dự trữ nguyên liệu, tổ chức sản xuất đến khâu bán hàng, đã tạo được sản phẩm có chất lượng tốt, giá cả cạnh tranh đưa đến hiệu quả cho Công ty. Hoạt động kinh doanh tại Chi nhánh - Xuất khẩu lương thực vẫn gặp nhiều khó khăn về đầu ra và chi phí khấu hao TSCĐ rất cao do tạm dừng thanh lý các tài sản còn lại không cần dùng. Khu dân cư TTTM Nam Châu đốc đã hoàn tất việc bán nền và bàn giao cơ sở hạ tầng cho UBND Huyện Châu Phú. Hoạt động của Chi nhánh Công ty – Xí nghiệp chế biến Lâm súc sản về giết mổ cơ bản ổn định mặc dù có tình hình dịch bệnh. Riêng Trại Chăn nuôi Vĩnh khánh đang gặp rất nhiều khó khăn do bệnh dịch tả Châu Phi vừa nêu trên.

- Duy trì và tham gia điều hành hoạt động với đơn vị đầu tư góp vốn như Công ty TNHH Thương mại Saigon – An Giang và đơn vị góp vốn liên doanh như Công ty TNHH Saigon – Châu Đốc đạt hiệu quả.

- Đạt được kết quả bước đầu trong triển khai thực hiện ĐATCC hoạt động Công ty:

+ Sắp xếp điều chuyển lao động giữa các Chi nhánh Xí nghiệp đảm bảo sử dụng lao động hiệu quả. Tính đến thời điểm 31/12/2019 lao động là 247 người (tăng: 17 người, giảm: 16 người so với thời điểm 31/12/2018) do tăng cường cho hoạt động Chi nhánh Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi thủy sản.

+ Tái cơ cấu tài sản: Thực hiện kế hoạch thoái vốn năm 2018 theo Quyết định số 93/QĐ/ĐTKDV ngày 09/04/2018 của SCIC, Công ty hiện tạm dừng các hoạt động thanh lý tài sản, đồng thời Công ty đã thực hiện việc cung cấp các tài liệu phục vụ định giá tài sản cho Cty Kiểm toán theo đúng yêu cầu của AASC.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, còn tồn tại những khó khăn, hạn chế cả khách quan và chủ quan làm ảnh hưởng đến hiệu quả cả năm như:

- Hoạt động kinh doanh lương thực trong năm 2019 tiếp tục gặp nhiều khó khăn do lượng tồn kho của năm trước còn nhiều nhưng nhu cầu tiêu thụ gạo cũ nội địa có giới hạn, sản phẩm gạo của Công ty không cạnh tranh được về giá bán nên lượng xuất khẩu không đáng kể do đó sản lượng thu mua, sản xuất, chế biến không đạt mức hòa vốn, lợi nhuận không bù đắp được chi phí dẫn đến phát sinh lỗ. Hiện nay lượng gạo cũ vẫn còn nhiều tạo áp lực lên chi phí lãi vay.

- Hoạt động kinh doanh thức ăn chăn nuôi do bệnh dịch tả heo Châu Phi, các hộ nuôi chưa thể tái đàn, giá một số sản phẩm chăn nuôi như cá tra, ếch, gà giảm sâu ở mức rất thấp, người nuôi cho ăn cầm chừng, nhu cầu giảm lại. Từ Quý 4 năm 2019, Công ty bị mất đi một đại lý tiêu thụ ở Bình Dương với sản lượng 5.000T/năm cùng với đàn heo ở trại Vĩnh Khánh bị tổn thất gần hết và các đối thủ cùng ngành cạnh tranh quyết liệt nên việc tiêu thụ thức ăn gặp nhiều khó khăn hơn, ảnh hưởng đến sản lượng xuất bán.

- Hoạt động chế biến súc sản, Chi nhánh ký được hợp đồng với các thương lái có lượng giết mổ lớn nhưng vẫn chỉ ở mức ổn định do ảnh hưởng yếu tố dịch bệnh. Chi nhánh đang tiến hành thanh lý hàng hóa lâm sản tồn kho và một số công cụ lao động, giải phóng mặt bằng để sử dụng phục vụ cho hoạt động súc sản. Hiệu quả kinh doanh của Chi nhánh nhìn chung ổn định.

- Khó khăn lớn nhất trong năm của Công ty xuất phát từ yếu tố khách quan, việc bệnh dịch tả heo Châu Phi lan nhanh và mạnh đã làm trong Quý 3/2019, đàn heo nuôi tại Chi Nhánh Công ty - Trại Chăn nuôi Vĩnh Khánh bị bệnh phải tiêu hủy với số lượng 4.380 con tương đương 257.939 kg với trị giá 9.700 triệu đồng, Chi nhánh đã tiến hành thực hiện việc tiêu hủy theo đúng quy định của cơ quan thú y. Do Công ty là Doanh nghiệp lớn nên không được hỗ trợ giá trị heo tiêu hủy, từ đó giá trị heo tiêu hủy làm ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả của Công ty năm 2019. Tính đến nay Cục Thuế An Giang đã có thông báo miễn tiền thuê đất chăn nuôi heo năm 2019 cho Công ty, trị giá khoảng 55 triệu đồng.

- Với biến động bất lợi của thị trường và chính sách nhập khẩu của đối tác, hoạt động giao nhận hàng hóa XNK trên đà suy giảm mạnh và chưa tiên lượng được thời điểm hồi phục. Việc tìm kiếm các giải pháp thay thế còn rất nhiều khó khăn.

- Công tác quản trị, điều hành cũng còn hạn chế, tuy đã có gắng, quyết tâm nhưng lợi nhuận thuần từ hoạt động SX-KD đạt được còn thấp so kỳ vọng của HĐQT và ĐHCĐ. Mục tiêu, định hướng chiến lược về phát triển ngành hàng, sản phẩm mới chưa đáp ứng, công tác dự báo, đánh giá thị trường một số thời điểm chưa tốt, một số phòng, ban chưa thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ và phát huy hiệu quả như mong muốn.

Bảng chỉ tiêu so sánh kết quả thực hiện so với kế hoạch trong năm 2019

CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2019	% TH/KH
Tổng doanh thu thuần	Tr.đ	778.438	1.000.000	77,84
Tổng chi phí	Tr.đ	778.238	992.000	78,45
+ Chi phí trước khi phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	Tr.đ	772.581	986.343	78,33
+ Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	Tr.đ	5.657	5.657	100,00
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	200	8.000	2,50
+ Lợi nhuận HĐSX KD	Tr.đ	9.900	8.000	123,75
+ Lỗ khách quan do tiêu hủy heo bị bệnh dịch tả Châu Phi	Tr.đ	(9.700)		
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	123	7.886	1,56
Xuất khẩu gạo				
+ Kim ngạch xuất	Tr.USD	1,09	5,42	20,08
+ Sản lượng xuất	Tấn	3.012,00	15.000,00	20,08
Nhập khẩu nguyên liệu thức ăn				
+ Kim ngạch nhập	Tr. USD	6,91	11,16	61,96
+ Sản lượng nhập	Tấn	18.478,44	30.000	61,59
Sản lượng tiêu thụ TẮCN TS	Tấn	50.995,05	45.000,00	113,32
+ Thức ăn bán ngoài	Tấn	47.638,60	42.250,00	112,75
+ Tiêu thụ nội bộ	Tấn	3.356,45	2.750,00	122,05

Năm 2019, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty kinh doanh có lãi, lợi nhuận sau thuế đạt 123 triệu đồng. So với kế hoạch tổng doanh thu thuần thực hiện năm 2019 đạt 77,84% trong khi lợi nhuận trước thuế chỉ đạt 2,5%. Tuy nhiên nếu loại trừ lỗ khách quan do tiêu hủy heo bị bệnh dịch tả Châu Phi ảnh hưởng đến

hoạt động chăn nuôi là 9.700 triệu đồng thì hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, lợi nhuận trước thuế tăng 123,75% so với kế hoạch được ĐHCĐ giao.

III.1.2. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Tình hình kinh doanh năm 2019, thực hiện nghị quyết của ĐHCĐ thường niên năm 2019, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc đã có nhiều nỗ lực cụ thể trong hoạt động quản trị, điều hành Công ty nên đã đạt được một số tiến bộ như sau:

- Chi nhánh Công ty – Xí nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi thủy sản đã phối hợp với Phòng Tổng hợp đã triển khai thực hiện hợp đồng đầu tư cải tạo hệ thống dây chuyền sản xuất thức ăn Chiatung1 và đầu tư mới lò hơi 12Tấn/h hiện nhà cung cấp đang trong giai đoạn chế tạo và chuẩn bị lắp đặt trong Quý 1/2020 nhằm cải tạo thiết bị nâng chất lượng chế biến nguyên liệu và giảm giá thành sản xuất; thực hiện công tác chăm sóc khách hàng như tặng quà, tổ chức tham quan nhân dịp hè, Tết, khuyến mãi, giảm giá thức ăn, mở thêm các đại lý mới để phát triển thị trường và gia tăng lượng tiêu thụ.

- Trại Vĩnh Khánh kết hợp với các bộ phận chuyên môn Công ty và các cơ quan chức năng thực hiện các văn bản báo cáo, xử lý tổn thất do bệnh dịch tả heo Châu Phi theo đúng quy định; Tăng cường vệ sinh, phòng dịch bảo đảm an toàn cho đàn heo còn lại; Tổ chức gia cố, sửa chữa chuồng trại để nhanh chóng tái đàn khi bệnh dịch được khống chế hoàn toàn; Thực hiện nuôi thử nghiệm ếch đạt kết quả tốt tạo cơ sở cho việc đa dạng hóa vật nuôi trong thời gian tới.

- Chi nhánh Công ty – Xuất Khẩu Lương Thực thực hiện các hợp đồng cung ứng cho đối tác với số lượng và thời gian đúng theo quy định, tạo sự tin tưởng để giữ được đầu ra ổn định; nhanh chóng bán ra gạo tồn kho khi có nhu cầu từ khách hàng; tự tổ chức nhân lực nội bộ di dời hệ thống máy móc từ các cơ sở không hoạt động về Kho Mỹ Thới sắp xếp lại dây chuyền sản xuất nhằm nâng cao công suất chế biến, cải thiện chất lượng sản phẩm đã tiết kiệm được phần lớn chi phí; phối hợp với Chi nhánh Công ty – Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi thủy sản tiêu thụ lượng lớn tấm, cám đã giảm bớt lãi vay, gia tăng hiệu quả; thay đổi nhân sự lãnh đạo XN để cải tiến phương thức hoạt động tạo sự chuyển biến tích cực hơn; điều chuyển và tinh giảm lao động cũng giảm được một phần chi phí hoạt động.

- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh phối hợp với Chi nhánh Xí nghiệp Thức ăn chăn nuôi thủy sản và Chi nhánh Xuất Khẩu Lương Thực trong việc giao

nhận hàng hóa xuất nhập khẩu góp phần tăng doanh thu, tiết giảm chi phí và tăng lợi nhuận các bên trong nội bộ Công ty, bên cạnh đó đã thuê được địa điểm văn phòng mới với giá thuê thấp hơn, đồng thời điều chuyển và giảm bớt nhân sự, tinh gọn bộ máy đã tiết giảm được chi phí hoạt động.

- Khu dân cư Nam Châu Đốc đã thanh lý xong 02 nền và nhà là Văn phòng Ban quản lý theo hình thức đấu thầu rộng rãi góp phần vào hiệu quả chung Công ty.

III.2. Tình hình tài chính:

III.2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản của công ty cuối năm 2019 là 473 tỷ đồng, giảm 4% so với đầu năm (mức giảm 22 tỷ đồng).

- Trong đó tài sản ngắn hạn giảm 1% (mức giảm 3 tỷ đồng), mặc dù chỉ tiêu hàng tồn kho tăng gần 3% (mức tăng 7 tỷ đồng) nhưng chỉ tiêu khoản phải thu giảm 13% (mức giảm 7 tỷ đồng), đồng thời các chỉ tiêu khác cũng giảm nhẹ.

- Chỉ tiêu tài sản dài hạn cũng giảm gần 12% so với đầu năm (mức giảm gần 19 tỷ đồng). Các khoản giảm, chủ yếu do bán thanh lý tài sản 02 nhà làm việc và bàn giao tài sản bất động sản đầu tư thuộc Khu Trung Tâm Thương Mại Nam Châu Đốc cho UBND Huyện Châu Phú quản lý, kết hợp với các khoản giảm do trích khấu hao và phân bổ đầy đủ chi phí lợi thế kinh doanh 5,6 tỷ đồng vào chi phí quản lý trong năm 2019.

III.2.2. Tình hình nợ phải trả:

- Nợ phải trả giảm gần 13% (mức giảm gần 17 tỷ đồng), trong đó mặc dù chỉ tiêu khoản phải trả người bán ngắn hạn tăng gần 34% (mức tăng 6 tỷ đồng) nhưng chỉ tiêu vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn giảm 22% (mức giảm 23 tỷ đồng), các chỉ tiêu khác tăng giảm không đáng kể. Công ty không phát sinh nợ quá hạn.

III.3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

III.3.1. Cải tiến về cơ cấu tổ chức:

Tiếp tục sắp xếp bộ máy nhân sự dựa trên sự phân công nhiệm vụ rõ ràng, phù hợp năng lực chuyên môn. Tiếp tục thực hiện chính sách trả lương, thưởng minh bạch gắn với kết quả kinh doanh và hiệu quả công việc, năng lực chuyên môn của từng cá nhân và đơn vị trực thuộc tạo được động lực cho sự cống hiến và tăng trưởng các mặt hoạt động của Công ty.

III.3.2. Cải tiến về chính sách, quản lý:

- Đổi mới và bổ sung nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề cho người lao động.

- Quan tâm hoàn thiện thể chế và năng lực quản trị nội bộ thông qua việc tăng cường hoạt động kiểm soát và quản lý chặt chẽ định mức vật tư, nguyên vật liệu đầu vào và các chi phí khác để tiết giảm chi phí, quản lý giá thành cạnh tranh để nâng cao hiệu quả kinh doanh. Đã hoàn thiện quy chế trả lương, thưởng và đang tiếp tục xây dựng các quy chế khác như: Quy chế quản lý nhân sự lao động, Quy chế đào tạo phát triển nguồn nhân lực, Quy chế thi đua khen thưởng kỷ luật, theo mô hình tiên tiến và hội nhập.

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế đối với chế biến, sản xuất lương thực và thức ăn chăn nuôi. Nghiên cứu áp dụng bộ tiêu chí “Hàng Việt Nam chất lượng cao – Chuẩn hội nhập” cho ngành Gạo, đáp ứng yêu cầu của thị trường và người tiêu dùng (Công ty đạt danh hiệu Hàng VNCLC năm 2018 của ngành hàng này).

III.4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

- Dự báo tình hình hoạt động SXKD năm 2020 vẫn tiếp tục khó khăn, ngoài những biến động bất lợi về thị trường còn phát sinh thêm yếu tố rủi ro về thời tiết, dịch bệnh ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh. Căn cứ dự báo diễn biến thị trường, kết quả thực hiện năm 2019 và khả năng, điều kiện thực tế, Ban Điều Hành Công ty dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 có mức tăng trưởng phù hợp, bao gồm nội dung và một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

III.4.1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:

a. Doanh thu kế hoạch năm 2020:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	
			Số lượng	Thành tiền
A	HOẠT ĐỘNG SXKD			921.796
I	KHÂU XUẤT KHẨU			126.000
1	Gạo	Tấn	15.000	126.000
II	KHÂU NHẬP KHẨU			6.600
1	Bã đậu nành	Tấn		
2	Nguyên liệu thức ăn gia súc khác	Tấn	200	6.600
III	KHÂU NỘI ĐỊA			789.196
1	Thức ăn gia súc	Tấn	42.845	461.310

Stt	Diễn giải	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	
			Số lượng	Thành tiền
2	Gạo, tấm, phụ phẩm	Tấn	32.800	250.955
3	Bán lẻ, dịch vụ, tổng hợp khác	x		31.898
4	Sản phẩm chăn nuôi	x		6.633
5	Sản phẩm thủy sản	x		38.400
B	HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			2.780
C	HOẠT ĐỘNG KHÁC			200
	Tổng cộng			924.776

b. Kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2020:

Stt	Diễn giải	Kế hoạch năm 2020	
		Số lượng (Tấn)	Kim ngạch (USD)
1	Kim ngạch xuất khẩu:		5.250.000,00
	- Gạo	15.000,00	5.250.000,00
2	Kim ngạch nhập khẩu:		8.540.000,00
	- Bã đậu nành và nguyên liệu thức ăn gia súc khác	24.200,00	8.540.000,00

c. Những chỉ tiêu tổng hợp sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020
I	Vốn điều lệ	350.000
II	Tổng doanh thu thuần	924.776
A	Hoạt động kinh doanh	921.796
B	Hoạt động tài chính	2.780
C	Hoạt động khác	200
III	Tổng chi phí SXKD	914.776
A	Hoạt động kinh doanh	905.100
	- Giá vốn hàng bán	867.528
	- Chi phí bán hàng	23.872
	- Chi phí quản lý DN	13.700
	<i>Trong đó: Phân bổ Giá trị lợi thế kinh doanh vào chi phí quản lý</i>	<i>5.657</i>
B	Hoạt động tài chính	9.526
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>7.370</i>
C	Hoạt động khác	150

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020
IV	Tổng lợi tức trước thuế (IVA + IVB + IVC)	10.000
A	Hoạt động kinh doanh (IIA - IIIA)	16.696
B	Hoạt động tài chính (IIB - IIIB)	(6.746)
	Trong đó:	
	+ Lãi đầu tư góp vốn CTy TNHH TM Sài Gòn – An Giang	1.660
	+ Lãi liên doanh góp vốn CTy TNHH Sài Gòn – Châu Đốc	1.120
C	Hoạt động khác (IIC - IIIC)	50
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp	633
VI	Tổng lợi tức sau thuế	9.367
VII	Chỉ tiêu tính toán hiệu quả SXKD	
1	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu thuần (%)	1,08
2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	1,01
3	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Vốn điều lệ (%)	2,86
4	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (%)	2,68

c. Kế hoạch quỹ lương và thu nhập của người lao động:

Stt	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2020
A	Tổng số lao động trong doanh nghiệp, trong đó:	người	247
1	Người quản lý	người	5
2	Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	người	71
3	Lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh	người	147
4	Lao động thừa hành, phục vụ	người	24
B	Tổng quỹ tiền lương	Tr.đồng	21.651,84
	Số người bình quân	người	247,00
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	7.300.000
	Trong đó:		
I	Quỹ lương người lao động	Tr.đồng	20.124,72
	Số người	người	242,00
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	6.930.000
II	Quỹ lương người quản lý (=1+2+3)	Tr.đồng	1.527,12
	Số người bình quân	người	5,0
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	25.452.000
1	Quỹ lương Người quản lý là người đại diện vốn nhà nước	Tr.đồng	737,52
	Số người	người	2,0
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	30.730.000

Stt	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2020
2	Quỹ lương Người quản lý không là người đại diện vốn nhà nước	Tr.đồng	597,60
	Số người	người	2,0
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	24.900.000
3	Quỹ lương Trưởng Ban kiểm soát	Tr.đồng	192,0
	Số người	người	1,00
	Tiền lương BQ	đ/người/tháng	16.000.000

f. Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản:

- Dự kiến tổng vốn đầu tư: 16.565 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư:
 - Vốn Công ty: 16.565 triệu đồng.
- Chi tiết Danh mục và Đơn vị được đầu tư:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Danh mục đầu tư/ Đơn vị quản lý	Giá trị đầu tư	Quy mô, công suất thiết kế
1	Sửa chữa thiết bị dây chuyền sản xuất thức ăn Chiatung 2,3 - Chi nhánh Xí nghiệp Thức ăn CNTS	2.602	
2	Sửa chữa thiết bị dây chuyền sản xuất thức ăn Chiatung 1 - Chi nhánh Xí nghiệp Thức ăn CNTS	1.874	
3	Giá trị đầu tư tăng thêm của hệ thống xử lý nước thải, cơ sở giết mổ gia cầm tập trung, nước thải sau xử lý đạt : QCVN40:2011/ BTNMT - Chi nhánh Xí nghiệp chế biến Lâm Súc Sản	1.059	Công suất 150 m ³ /ngày đêm
4	Đầu tư 02 hệ thống máy tách màu	4.789	Công suất của mỗi hệ thống 10 - 15 tấn/ giờ
5	Các công trình, hạng mục còn lại	6.241	
	Tổng cộng	16.565	

III.4.1.a. Những giải pháp thực hiện:

Mục tiêu chung: Tập trung các nỗ lực điều hành để giữ ổn định SX-KD, tiếp tục xử lý, khắc phục khó khăn đi đôi với khai thác tốt cơ hội thị trường và yếu tố thuận lợi, phấn đấu đẩy nhanh tăng trưởng nhằm cải thiện tình hình và kết quả kinh doanh năm 2020.

Giải pháp:

Trên cơ sở định hướng kế hoạch năm 2019 được HĐQT cho ý kiến và ĐHCĐ thông qua, BDH tập trung vào các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

➤ Giữ ổn định và tăng cường hiệu quả hoạt động các lĩnh vực, ngành nghề hiện có:

- Đối với kinh doanh lương thực: Tiếp tục đẩy nhanh sản lượng tiêu thụ gạo tồn kho, bên cạnh đó theo dõi tình hình thu hoạch gạo Đông Xuân 2020, nhu cầu của khách hàng, thường xuyên theo dõi diễn biến thị trường thế giới, nhu cầu nội địa để mua vào, bán ra đúng thời điểm với giá tốt nhất mang lại hiệu quả kinh doanh cao nhất bù đắp được một phần chi phí lãi vay và khấu hao; tiếp tục phối hợp với Chi nhánh Công ty – Xí nghiệp Thức ăn Chăn nuôi Thủy Sản trong việc tiêu thụ các phụ phẩm như tấm, cám tạo chuỗi liên kết sản xuất hiệu quả; Hạn chế sản xuất giờ cao điểm, sản xuất giờ thấp điểm tiết kiệm chi phí điện trong sản xuất, sử dụng tiết kiệm văn phòng phẩm, vật tư thiết bị; Tăng cường công tác quản lý sản xuất, kiểm soát chặt chẽ chi phí sản xuất, định mức vật tư, nguyên liệu đầu vào và các chi phí khác để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Tích cực tìm kiếm đối tác khách hàng thuê các tài sản như: Cửa hàng AA, kho lương thực Tân lập để tăng nguồn thu cho Công ty.

- Đối với lĩnh vực thức ăn chăn nuôi: phối hợp chặt chẽ với Phòng Kinh doanh – Tiếp thị và Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh kịp thời nhập mua nguyên liệu dự trữ phục vụ cho sản xuất kinh doanh năm 2020 với giá cả và chất lượng tốt nhất; theo dõi kiểm soát chặt chẽ các khâu sản xuất, thực hiện tốt công tác bảo trì sửa chữa, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm để gia tăng sức cạnh tranh; tiếp tục thực hiện các chương trình khuyến mãi, thăm hỏi, tri ân khách hàng kịp thời để giữ ổn định sản lượng tiêu thụ; Các bộ phận trực thuộc Chi nhánh Công ty - Xí Nghiệp Thức ăn CNTS theo dõi và phối hợp trong việc sắp xếp sản xuất trong thời gian lắp đặt hệ thống lò hơi 12T/h và đầu tư sửa chữa một số thiết bị trong dây chuyền SX thức ăn Chiatung 1,2,3 theo kế hoạch. Tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện đội ngũ tiếp thị dân chuyên nghiệp và năng động hơn đồng thời để giữ ổn định và phát triển thêm thị trường tiêu thụ cần có hình thức khoán sản lượng tiêu thụ theo tháng, quý; khảo sát giá một số sản phẩm TĂCN để có sự điều chỉnh phù hợp với mặt bằng chung; tăng cường hoạt động theo dõi, thu hồi công nợ của khách hàng, đặc biệt công nợ hộ của các hộ đầu tư và các khoản nợ quá hạn; Có kế hoạch phát triển một số sản phẩm thức ăn Cá kèo, Bò, Éch vào các thị trường mới; Củng cố và tiếp tục phát triển thị trường Đồng Tháp là địa bàn mà nghề chăn nuôi phát triển rất mạnh bên cạnh việc đẩy mạnh công tác quảng bá phát triển thương

hiệu Aflix bằng nhiều hình thức để tăng khả năng nhận diện đối với người tiêu dùng.

- Đối với Trại Vĩnh Khánh cần sắp xếp lại lực lượng lao động hợp lý khi mảng nuôi heo đang gặp khó khăn; Tận dụng mặt bằng để nuôi thả các loại khác ngoài cá tra như cá Trê, cá Lóc, cá có vảy, ếch..., hoặc trồng cây ăn trái, rau màu; song song đó tiến hành gia cố, sửa chữa và có phương án xây dựng chuồng trại theo tiêu chuẩn hiện đại, chuẩn bị sẵn sàng mọi nguồn lực để nhanh chóng tái đàn khi bệnh dịch được khống chế hoàn toàn; theo dõi tình hình thị trường để xuất bán các ao cá nuôi với phương thức thanh toán và giá cả có lợi nhất

- Đối với các lĩnh vực kinh doanh khác, trên cơ sở đánh giá thị trường, tiếp tục khai thác các yếu tố thuận lợi, tập trung xử lý tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành nhằm phấn đấu thực hiện đạt kết quả cao nhất theo kế hoạch SXKD 2020.

- Tiếp tục thực hiện chế độ giao ban thường xuyên (chuyên đề và định kỳ) để kịp thời chỉ đạo, xử lý khó khăn trong điều hành SX-KD năm 2020.

- Tăng cường công tác quản trị, điều hành, giao chỉ tiêu kế hoạch gắn với chính sách khen thưởng. Giữ ổn định và lành mạnh hóa tình hình tài chính Công ty, tiếp tục xử lý thu hồi công nợ cũ, tránh phát sinh công nợ quá hạn mới. Thực hiện tốt công tác quản lý tài sản phục vụ chủ trương thoái vốn của SCIC.

- Tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhằm hỗ trợ các hoạt động SX-KD của Công ty và phù hợp với thực tiễn. Hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ, trình thông qua các quy chế xây dựng mới và cập nhật sửa đổi, bổ sung theo đúng quy định.

III.5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của Công ty:

III.5.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến bảo vệ môi trường. Các cơ sở/hoạt động sản xuất của Công ty đều lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản hoặc chi tiết theo quy mô hoạt động, định kỳ giám sát, kiểm tra và báo cáo các ngành chức năng đúng quy định. Thường xuyên kiểm soát các chỉ tiêu tiêu thụ điện, nước, phát thải ... để kịp thời xử lý, khắc phục theo hướng tiết kiệm, an toàn, hiệu quả.

III.5.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Thực hiện tốt các chính sách liên quan đến người lao động theo quy định của pháp luật. Căn cứ kết quả kinh doanh, cố gắng đảm bảo ổn định, nâng cao thu nhập và các chế độ phúc lợi cho người lao động.

III.5.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Tiếp tục thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương qua các hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa... do địa phương vận động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

IV.1. Đánh giá của hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

IV.1.1. Về hoạt động sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2019	Thực hiện năm 2019	Thực hiện năm 2018	(%) So sánh thực hiện 2019 với	
					Kế hoạch	Năm 2018
1	Tổng doanh thu thuần	1.000.000	778.438	876.871	77,84	88,77
	<i>Trong đó xuất khẩu</i>	<i>128.336</i>	<i>25.368</i>	<i>99.758</i>	<i>19,77</i>	<i>25,43</i>
2	Tổng chi phí chưa phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	986.343	772.581	864.001	78,33	89,42
3	Lợi nhuận trước thuế chưa phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	13.657	5.857	12.870	42,89	45,51
4	Phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	5.657	5.657	5.657	100,00	100,00
5	Lợi nhuận trước thuế sau phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	8.000	200	7.213	2,50	2,77
	Trong đó					
	+ Lợi nhuận HĐSXKD	8.000	9.900	7.213	123,75	137,25
	+ Lỗ khách quan do tiêu hủy heo bị bệnh dịch tả Châu Phi		(9.700)			
6	Lợi nhuận sau thuế sau phân bổ giá trị lợi thế kinh doanh	7.886	123	6.021	1,55	2,03

Tình hình thị trường năm 2019 diễn biến phức tạp, các khó khăn trong hoạt động xuất khẩu gạo, dịch vụ giao nhận xuất nhập khẩu và nhất là trong lĩnh vực chăn nuôi heo và cá, thể hiện rõ nét ở chỉ tiêu doanh thu chỉ đạt 77,84% kế hoạch và đạt 88,77% so với cùng kỳ. Với những giải pháp điều hành hợp lý, kịp thời tận dụng các cơ hội thuận lợi của thị trường, cùng nỗ lực, quyết tâm của tập thể người lao động trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo ĐATCC đã góp phần cải thiện tình hình kinh doanh, tuy nhiên việc tiêu hủy heo do bệnh dịch tả Châu Phi với tổng giá trị 9.700 triệu đồng đã làm ảnh hưởng đáng kể đến hiệu quả hoạt động sản kinh doanh chung so với kế hoạch và cùng kỳ (nếu không chịu tác động thiệt hại của dịch heo, Công ty đã hoàn thành vượt KHKD năm 2019 do ĐHCĐ giao).

IV.1.2. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

Công ty luôn thực hiện tốt trách nhiệm đối với công tác bảo vệ môi trường, đối với cộng đồng địa phương, trách nhiệm xã hội và các chính sách với người lao động.

IV.2. Đánh giá của hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty:

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát đối với Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động Công ty, kịp thời cho ý kiến chỉ đạo, xử lý nhằm khắc phục khó khăn, duy trì ổn định sản xuất kinh doanh; đánh giá cao nỗ lực của Tổng Giám đốc trong điều hành kinh doanh đạt nhiều tiến bộ, việc triển khai thực hiện ĐATCC đạt kết quả tích cực. Kết quả kinh doanh đã có hiệu quả tích cực, nếu không phải bù lỗ khách quan do tiêu hủy heo mắc bệnh dịch tả Châu Phi thì Công ty hoàn thành vượt kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận trước thuế, cổ tức theo KHKD năm 2019 được ĐHCĐ giao. Công tác quản trị, điều hành có nhiều đổi mới, tuân thủ nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật

Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát đối với các thành viên trong Ban điều hành Công ty, ghi nhận các nỗ lực đối với công tác quản trị, điều hành, đảm bảo tuân thủ nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ, HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật, đánh giá cao vai trò tham mưu, hỗ trợ cho Tổng Giám đốc trong thực hiện các nhiệm vụ theo ĐATCC và kế hoạch SX-KD theo nghị quyết ĐHCĐ đạt hiệu quả.

IV.3. Các kế hoạch, định hướng của hội đồng quản trị:

Tiếp tục tái cấu trúc tổng thể hoạt động sản xuất kinh doanh theo ĐATCC giai đoạn 2016-2020 đã được ĐHĐCĐ thông qua . Xúc tiến các giải pháp cụ thể để tăng trưởng trở lại về doanh thu và kim ngạch xuất nhập khẩu. Căn cứ diễn biến thị trường để quyết định sắp xếp lại các ngành nghề kinh doanh khác có lợi thế cạnh tranh và gia tăng hiệu quả.

IV.3.1. Các mục tiêu định hướng:

- Nỗ lực vượt qua khó khăn, giữ ổn định sản xuất kinh doanh và tăng trưởng trở lại, đánh giá đúng tình hình biến động thị trường để kịp thời định hướng và điều hành hoạt động của Công ty.

- Tăng cường công tác giám sát, chỉ đạo và hỗ trợ Ban điều hành Công ty thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT, đảm bảo tuân thủ theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế quản trị Công ty. Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ.

- Tập trung phát triển SX-KD đi đôi với nâng cao hiệu quả kinh doanh, tạo điều kiện nâng cao cổ tức đáp ứng kỳ vọng của cổ đông.

IV.3.2. Kế hoạch hoạt động năm 2020:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2020 với các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sau thuế có mức tăng trưởng hợp lý so với năm 2019, phù hợp với chỉ tiêu tăng trưởng chung của nền kinh tế, diễn biến thị trường và đặc thù của doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, phân đầu chi trả cổ tức cho cổ đông.

- Tiếp tục triển khai thực hiện nội dung các giải pháp phù hợp theo ĐATCC hoạt động Công ty.

- Tiếp tục hoàn thiện thể chế quản trị nội bộ, tăng cường giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.

- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ của HĐQT theo Quy chế hoạt động của HĐQT, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

V.1. Hội đồng quản trị:

V.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

S T T	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập	Thành viên không điều hành	Số lượng chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các CTy khác
1	Quốc Hồ Đình Tuấn ⁽¹⁾	Chủ tịch	31,00%			
2	Nguyễn Thanh Xuân ⁽²⁾	Thành viên	10,23%			1
3	Phạm Ngọa Long ⁽³⁾	Thành viên	10,23%			1
5	Chế Minh Lý ⁽⁴⁾	Thành viên	20,52%		X	
4	Trần Văn Lắm ⁽⁵⁾	Thành viên	8,63%		X	
6	Nguyễn Văn Tiến	Thành viên	0,00%		X	
7	Đặng Minh Thừa	Thành viên	0,00%		X	

(¹) Số cổ phần nắm giữ: 10.850.000 cổ phần, chiếm 31,00% vốn điều lệ, trong đó đại diện vốn SCIC: 10.850.000 cổ phần(31%).

(²)Số cổ phần nắm giữ: 3.582.200 cổ phần, chiếm 10,23% vốn điều lệ, trong đó đại diện vốn SCIC: 3.500.000 cổ phần (10%), cá nhân: 82.200 cổ phần (0,23%).

(³)Số cổ phần nắm giữ: 3.578.900 cổ phần, chiếm 10,23% vốn điều lệ, trong đó đại diện vốn SCIC: 3.500.000 cổ phần (10%), cá nhân: 78.900 cổ phần (0,23%).

(⁴) Số cổ phần nắm giữ: 7.181.650 cổ phần, chiếm 20,52% vốn điều lệ. Đại diện vốn góp của Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công Ty Cổ Phần.

(⁵) Số cổ phần nắm giữ: 3.018.750 cổ phần, chiếm 8,63% vốn điều lệ. Đại diện vốn góp của Công ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang.

V.1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

- Tiểu ban chiến lược và đầu tư phát triển.
- Tiểu ban thể chế, chính sách.
- Tiểu ban kiểm toán nội bộ và quản lý rủi ro.
- Tiểu ban nhân sự, lao động, tiền lương và chiến lược phát triển nguồn nhân lực.
- Tiểu ban thi đua khen thưởng, kỷ luật.

V.1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị (HĐQT) duy trì hoạt động theo Điều lệ Công ty. Trong năm 2019, HĐQT đã tổ chức họp trực tiếp 05 (năm) lần, tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản 02 (hai) lần, ban hành 11 Nghị quyết, 06 Quyết định, tập trung vào các nội dung:

- Chuẩn bị chương trình, nội dung cho kỳ họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019.

- Thông qua báo cáo của Ban điều hành (BDH) về kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo của Thường trực Ban chỉ đạo (TT. BCD) Tái cơ cấu về kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Đề án Tái cơ cấu (ĐATCC) và cho ý kiến về các mục tiêu, giải pháp điều hành SX-KD định kỳ hàng quý.

- Thống nhất chi trả cổ tức cho cổ đông.

- Thống nhất hạn mức tín dụng và dư nợ tín dụng bình quân trong năm. Thông qua việc vay vốn tại các Ngân hàng.

- Thông qua việc bổ nhiệm lại hết nhiệm kỳ đối với các thành viên Ban Điều hành Công ty.

- Thông qua và ban hành Quy chế trả lương, thưởng của Công ty.

- Xử lý các vấn đề thuộc phạm vi, quyền hạn của HĐQT.

V.1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: không có.

V.2. Ban kiểm soát:

V.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

S T T	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết	Thành viên độc lập	Thành viên không điều hành
1	Trần Khánh Giang	Trưởng Ban	0,01%		
2	Trần Hoàng Ngân	Thành viên			X
3	Hồng Lệ Vân	Thành viên			X

V.2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2019, Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty theo đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

+ Trưởng Ban kiểm soát đã tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đã có nhiều ý kiến đóng góp cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

+ Ban kiểm soát đã tham gia kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm và thực hiện việc soát xét báo cáo kế toán quản trị Công ty hàng quý trong năm trước khi đệ trình Hội đồng quản trị. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, việc tuân thủ các quy định về quản lý tài chính, sử dụng vốn, kiểm tra tình hình thực hiện quản lý công nợ phải thu, phải trả theo qui chế quản lý nợ Công ty, hiệu quả sản xuất kinh doanh của các đơn vị trực thuộc, xem xét thư quản lý của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Nhìn chung, trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, Ban kiểm soát được Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ.

V.3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

V.3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được chi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 24/2019/NQ/ĐHĐCD ngày 12/04/2019 như sau:

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao năm 2018 chi trong năm 2019(VNĐ)	Ghi chú
I	Hội Đồng Quản Trị		336.000.000	
1	Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch	48.000.000	
2	Tô Thiện Hữu	Thành viên	48.000.000	
3	Trần Bảy	Thành viên	48.000.000	
4	Nguyễn Văn tiến	Thành viên	48.000.000	
5	Nguyễn Minh Thừa	Thành viên	48.000.000	
6	Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên	48.000.000	
7	Phạm Ngọa Long	Thành viên	48.000.000	
II	Ban Kiểm Soát		48.000.000	
1	Trần Khánh Giang	Trưởng ban	x	Nhận lương chuyên trách hàng tháng
2	Trần Hoàng Ngân	Thành viên	24.000.000	

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao năm 2018 chi trong năm 2019(VNĐ)	Ghi chú
3	Hồng Lệ Vân	Thành viên	24.000.000	
	Tổng cộng		384.000.000	

- Chi lương, thưởng cho Trần Khánh Giang, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách là 161.800.000 đồng/năm.

- Chi phí thông tin liên lạc với mức:
 - HĐQT: Chủ tịch là 500.000 đồng/tháng, thành viên HĐQT là 300.000 đồng/người/tháng. Tổng chi phí đã chi là 27.600.000 đồng/năm.
 - BKS: Trưởng ban là 300.000 đồng/tháng, thành viên: 250.000 đồng/người/tháng. Tổng chi phí đã chi là 9.600.000 đồng/năm.
- Chi phí hoạt động của BKS trong năm: 14.723.886 đồng.
- Khen thưởng Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2019: không có.
- Chi lương, thưởng Ban Tổng Giám Đốc, gồm 3 thành viên: Tổng lương chi trong năm: 882.700.000 đồng và tổng thưởng chi từ quỹ khen thưởng kết dư đến năm 2018 là 42.200.000 đồng. Cụ thể:
 - Ông Nguyễn Thanh Xuân – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc với mức lương 347.500.000 đồng/năm, thưởng 16.300.000 đồng/năm.
 - Ông Phạm Ngọa Long – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc với mức lương 273.200.000 đồng/năm, thưởng 13.100.000 đồng/năm
 - Ông Trần Xuân Phúc – Phó Tổng Giám đốc với mức lương 262.000.000 đồng/năm, thưởng chi từ quỹ khen thưởng kết dư đến năm 2018: 12.800.000 đồng/năm

V.3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có.

V.3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

V.3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty:

Công ty đã thực hiện đúng theo Quy chế quản trị công ty, Điều lệ Công ty và thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của pháp luật.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán theo qui định của pháp luật về kế toán được thể hiện trong phần đính kèm./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Quốc Hồ Đình Tuấn





Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên Tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Accountants &
business advisers

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 44

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang tên giao dịch là An Giang Agriculture and foods Import – Export Joint Stock Company (tên viết tắt là Aflix) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty Xuất nhập khẩu Nông sản Thực phẩm An Giang theo Quyết định số 1808/QĐ-UBND ngày 22 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1600194461 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2011; đăng ký thay đổi lần 1 ngày 14 tháng 07 năm 2011; đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 09 tháng 05 năm 2013; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 14 tháng 05 năm 2014; đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 06 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 30 tháng 12 năm 2016; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 04 năm 2017; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 08 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Mã Chứng khoán Công ty là: AFX.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang.

Điện thoại : 0296 3932 963

Fax : 0296 3932 981

Mã số thuế : 1600194461

2. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Thành viên
Ông Phạm Ngọa Long	Thành viên
Ông Chế Minh Lý	Thành viên
Ông Trần Văn Lắm	Thành viên
Ông Đặng Minh Thừa	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Tiến	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọa Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Xuân Phúc	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Kiểm Soát

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Trần Khánh Giang	Trưởng ban
Ông Trần Hoàng Ngân	Thành viên
Bà Hồng Lệ Văn	Thành viên

Đại diện pháp luật

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Thanh Xuân	Tổng Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ được chỉ định thực hiện Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 cho Công ty.

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Công bố báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc công bố các báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



NGUYỄN THANH XUÂN

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2020





Số: 022/2020/BCKT-CT.00106

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang được lập ngày 28 tháng 02 năm 2020, từ trang 06 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TRANG ĐẮC NHA

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CHI NHÁNH CẦN THƠ

Thành phố Cần Thơ, ngày 28 tháng 02 năm 2020

NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0600-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		327.931.185.236	331.260.005.101
Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.284.302.038	5.988.269.945
Tiền	111	5.1	3.284.302.038	5.988.269.945
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.997.673.368	56.569.925.348
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	52.764.294.467	55.201.154.148
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	2.186.376.904	6.341.407.442
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	826.844.564	911.307.836
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(6.779.842.567)	(5.883.944.078)
Hàng tồn kho	140	5.7	274.845.205.188	267.606.461.070
Hàng tồn kho	141		276.161.762.158	269.121.717.759
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.316.556.970)	(1.515.256.689)
Tài sản ngắn hạn khác	150		804.004.642	1.095.348.738
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8.1	542.102.831	826.011.183
Thuế GTGT được khấu trừ	152		207.303.846	269.337.555
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		54.597.965	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		145.427.107.254	164.375.306.098
Tài sản cố định	220		85.557.730.472	94.511.024.744
Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	41.080.526.443	48.614.038.294
Nguyên giá	222		270.985.357.961	271.215.905.600
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(229.904.831.518)	(222.601.867.306)
Tài sản cố định vô hình	227	5.10	44.477.204.029	45.896.986.450
Nguyên giá	228		47.572.942.345	47.985.268.442
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.095.738.316)	(2.088.281.992)
Bất động sản đầu tư	230	5.11	-	2.033.079.270
Nguyên giá	231		-	16.137.653.892
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(14.104.574.622)
Tài sản dở dang dài hạn	240		15.780.879.735	15.717.711.735
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	15.780.879.735	15.717.711.735
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	25.650.000.000	25.650.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		18.750.000.000	25.650.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		6.900.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		18.438.497.047	26.463.490.349
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8.2	18.438.497.047	26.463.490.349
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		473.358.292.490	495.635.311.199

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019	01/01/2019
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		114.772.596.207	131.621.061.690
Nợ ngắn hạn	310		114.455.096.207	131.176.561.690
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	25.510.382.798	19.093.480.679
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.14	2.540.951.591	2.036.260.298
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	112.495.708	84.520.590
Phải trả người lao động	314		1.595.998.279	834.150.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	552.626.154	900.213.424
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		166.666.668	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17.1	1.676.440.927	2.142.674.990
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	81.708.284.150	104.755.084.158
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	5.19	591.249.932	1.330.177.551
Nợ dài hạn	330		317.500.000	444.500.000
Phải trả dài hạn khác	337	5.17.2	317.500.000	444.500.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		358.585.696.283	364.014.249.509
Vốn chủ sở hữu	410	5.20	358.585.696.283	364.014.249.509
Vốn góp của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		350.000.000.000	350.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		8.256.585.962	7.955.513.581
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		329.110.321	6.058.735.928
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		206.591.166	37.288.308
LNST chưa phân phối năm nay	421b		122.519.155	6.021.447.620
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		473.358.292.490	495.635.311.199


TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập biểu
TRẦN KIM UYÊN
Kế toán trưởng
NGUYỄN THANH XUÂN
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	784.988.323.880	884.186.586.055
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	11.840.720.257	13.924.130.925
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		773.147.603.623	870.262.455.130
Giá vốn hàng bán	11	6.3	722.204.298.100	822.729.713.748
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		50.943.305.523	47.532.741.382
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	3.045.282.910	4.705.345.340
Chi phí tài chính	22	6.5	7.642.498.233	5.949.075.135
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.776.416.006	4.324.664.436
Chi phí bán hàng	25	6.6	22.731.899.503	26.926.521.552
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.7	13.917.335.154	13.256.284.498
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.696.855.543	6.106.205.537
Thu nhập khác	31	6.8	2.245.227.764	1.902.857.887
Chi phí khác	32	6.9	11.741.977.966	796.641.952
Lợi nhuận khác	40		(9.496.750.202)	1.106.215.935
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		200.105.341	7.212.421.472
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.15	77.586.186	1.190.973.852
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		122.519.155	6.021.447.620
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		6.10	4	172

TÍNH HỢP LÝ

TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập

TRẦN KIM UYÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH XUÂN
Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		200.105.341	7.212.421.472
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		10.419.028.004	11.576.007.203
Các khoản dự phòng/(hoàn nhập)	03		697.198.770	517.118.434
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		25.595	17.390.221
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.919.882.626)	(3.701.575.781)
Chi phí lãi vay	06		5.776.416.006	4.324.664.436
Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		14.172.891.090	19.946.025.985
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.683.789.235	(30.857.437.795)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.040.044.399)	(145.390.978.462)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		7.129.133.722	5.422.866.086
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.308.901.654	4.211.043.874
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.043.330.707)	(3.963.071.681)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(32.672.313)	(1.402.307.656)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.040.000.000)	(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.138.668.282	(152.083.859.649)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.408.082.000)	(446.755.909)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.894.890.908	12.272.727
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.937.251.256	3.689.303.054
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.424.060.164	3.254.819.872

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2019	2018
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	581.850.422.791	719.980.997.908
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(604.897.222.799)	(627.291.325.648)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.219.870.750)	(12.250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(28.266.670.758)	80.439.672.260
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM				
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60		(2.703.942.312)	(68.389.367.517)
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(25.595)	(757.516)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.1	3.284.302.038	5.988.269.945



TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập biểu



TRẦN KIM UYÊN
Kế toán trưởng




NGUYỄN THANH XUÂN

Tổng Giám đốc

An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Nông Sản Thực Phẩm An Giang là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Mua bán lương thực, sản phẩm chăn nuôi;
- Mua bán nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, dịch vụ cung cấp vật nuôi;
- Mua bán lúa giống, thóc, ngô, lúa mì, hạt ngũ cốc khác;
- Xay xát, sản xuất thức ăn gia súc, sản xuất thức ăn chăn nuôi thủy sản;
- Mua bán thịt gia súc, gia cầm đã qua giết mổ, sản xuất, chế biến và bảo quản thịt;
- Sơ chế gỗ; sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Cấu trúc Công ty

Các đơn vị trực thuộc

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Xuất khẩu Lương Thực	Khóm Thạnh An, P. Mỹ Thới, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Chế biến lương thực
Chi nhánh Xí nghiệp Thức Ăn Chăn nuôi Thủy Sản	Khóm Đông Thạnh B, P. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Thức ăn gia súc
Chi nhánh Xí nghiệp Chế biến Lâm Súc Sản	Khóm Đông Thạnh B, P. Mỹ Thạnh, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang	Chế biến lâm súc sản
Chi nhánh Trại chăn nuôi Vĩnh Khánh	Ấp Trung Bình Tiến, xã Vĩnh Trạch, Huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.	Chăn nuôi
Ban quản lý dự án Khu dân cư TTTM Nam Châu Đốc	Ấp Mỹ Chánh, Xã Mỹ Đức, H. Châu Phú, tỉnh An Giang	Bất động sản
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh	Lầu 1, Số 283/26-28 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh	Dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	Tổ 21, Khóm Châu Quới 3, Phường Châu Phú B, TP Châu Đốc, Tỉnh An Giang	Kinh doanh bất động sản	25%	25%	25%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được so sánh với số liệu tương ứng của năm trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 248 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 247 người).

2 NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.

Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản ngoại tệ vay ngân hàng: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty có khoản vay ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ tối đa không quá 10 năm kể từ khi Công ty Cổ phần thực hiện phân bổ.

Chi phí khác chờ phân bổ

Chi phí khác chờ phân bổ như: đàn heo mẹ phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng thực tế là 80 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.8 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
Tài sản cố định khác	04 - 25 năm

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	17 năm
Máy móc, thiết bị	20 - 30 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất có thời hạn khấu hao từ 25 năm đến 50 năm, quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03 năm đến 08 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức/lợi nhuận được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Đối với bất động sản phân lô bán nền đã chuyển giao nền đất cho khách hàng, Công ty được ghi nhận doanh thu với phần nền đất đã bán khi thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- Chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất;
- Công ty đã thu hoặc chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

Trong năm, Công ty áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

4.18 Quỹ tiền lương

Công ty đã tạm trích chi phí tiền lương thực hiện trên cơ sở kế hoạch lương đã được thông qua Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2019 theo hướng dẫn tại Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

4.19 Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn

Trong năm, Công ty trích Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn theo mức lương, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác theo quy định hiện hành:

- Bảo hiểm xã hội được trích trên lương vào chi phí là: 17,5% và 8% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm y tế được trích trên lương vào chi phí là: 3% và 1,5% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Bảo hiểm thất nghiệp được trích trên lương vào chi phí là: 1% và 1% trừ lương cán bộ công nhân viên.
- Kinh phí công đoàn được trích trên lương vào chi phí là: 2%.

4.20 Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty chỉ có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

4.22 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty	Quan hệ
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty cổ phần	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	Công ty liên kết
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt - VND	2.670.999.042	1.366.932.317
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	613.302.996	4.621.337.628
- VND	482.396.959	4.306.112.655
- EUR (*)	6.173.062	6.581.068
- USD (*)	124.732.975	308.643.905
	3.284.302.038	5.988.269.945

(*) Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2019:

	Gốc ngoại tệ VND	Tương đương VND
- EUR	238,99	6.173.062
- USD	5.394,83	124.732.975
		130.906.037

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2019			01/01/2019		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết						
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc	18.750.000.000	-	(*)	18.750.000.000	-	(*)
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	-	-		6.900.000.000	-	(*)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
Công ty TNHH Thương mại Sài Gòn - An Giang	6.900.000.000	-	(*)	-	-	
	25.650.000.000	-		25.650.000.000	-	

(*) Tại ngày lập báo cáo, Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan		
Tổng Công Ty Lương Thực Miền Nam - Công ty cổ phần	-	5.928.919.631
Phải thu các khách hàng khác		
Cửa hàng Hoàng Quý	5.829.761.206	8.303.637.549
Công ty CP XNK Thủy Sản An Mỹ	-	7.640.892.000
Công ty TNHH Thanh Nguyên	1.126.429.440	1.126.429.440
Công ty TNHH Cargill Việt Nam	116.872.368	762.287.554
Ông Trần Quang Khải (Thoại Sơn)	2.689.110.450	2.701.685.150
Ông Trần Chí Thiện	16.626.240.080	2.919.489.080
Ông Phạm Văn Năm (Long Xuyên)	5.879.174.220	1.859.175.500
Ông Cao Lương Tri (Mỹ Thạnh)	5.204.111.490	2.318.378.680
Các khách hàng khác	15.292.595.213	21.640.259.564
	52.764.294.467	55.201.154.148

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trả trước cho người bán khác		
Pesquera Pacifica Star S.A	1.142.359.680	5.329.874.832
Công ty TNHH Phước Thạnh	979.672.500	979.672.500
Các đối tượng khác	64.344.724	31.860.110
	2.186.376.904	6.341.407.442

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.5 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>				
Phải thu các hộ nông dân tiền đầu tư chi phí sản xuất mì và cấp hộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	140.455.087	-	140.455.087	-
Công ty TNHH Thanh Nguyên - Phải thu về lãi bán hàng chậm trả	605.238.149	(605.238.149)	605.238.149	(605.238.149)
Phải thu ngắn hạn khác	81.151.328	-	165.614.600	-
	826.844.564	(605.238.149)	911.307.836	(605.238.149)

5.6 Nợ xấu

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Nợ quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>				
Bà Võ Thị Kim Mai	236.173.858	118.086.929	-	-
Ông Tạ Hoàng Duy	1.759.512.000	1.231.658.400	-	-
<i>Nợ quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm</i>				
Ông Tạ Hoàng Duy	499.915.920	249.957.960	-	-
<i>Nợ quá hạn từ 3 năm trở lên</i>				
Công ty cổ phần Việt An	3.172.603.989	-	3.172.603.989	-
Công ty TNHH Thanh Nguyên	1.731.667.589	-	1.731.667.589	-
Công ty TNHH Phước Thạnh	979.672.500	-	979.672.500	-
	8.379.545.856	1.599.703.289	5.883.944.078	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Trả trước cho người bán VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	(4.904.271.578)	(979.672.500)	(5.883.944.078)
Trích lập dự phòng	(895.898.489)	-	(895.898.489)
Tại ngày 31/12/2019	(5.800.170.067)	(979.672.500)	(6.779.842.567)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	19.606.047.316	-
Nguyên liệu, vật	138.976.923.549	-	110.529.965.281	-
Công cụ, dụng cụ	4.746.843.823	-	2.762.446.833	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	36.436.925.498	(895.724.331)	14.803.442.229	-
Thành phẩm	79.505.521.388	(420.202.849)	67.041.637.692	-
Hàng hoá	10.904.515.012	(629.790)	54.378.178.408	(1.515.256.689)
Hàng gửi đi bán	5.591.032.888	-	-	-
	276.161.762.158	(1.316.556.970)	269.121.717.759	(1.515.256.689)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, giá trị hàng tồn kho đang được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) với tổng giá trị là 3,2 triệu USD.

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản	203.113.118	583.903.300
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	215.949.424	94.428.063
Bảo hiểm hàng hóa, tài sản, con người,...	116.287.289	37.545.552
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	6.753.000	110.134.268
	542.102.831	826.011.183

5.8.2 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Giá trị lợi thế kinh doanh (*)	15.557.733.220	21.215.090.752
Giá trị đàn heo chờ phân bổ	336.783.259	2.446.755.240
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.543.980.568	2.801.644.357
	18.438.497.047	26.463.490.349

(*) Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ trong vòng 10 năm. Tổng giá trị lợi thế kinh doanh đã phân bổ theo Thông tư 138/2012/TT-BTC đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 41.015.842.107 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Vào ngày 01/01/2019	122.335.454.411	121.396.394.018	20.930.838.478	3.490.527.705	3.062.690.988	271.215.905.600
Tăng từ mua sắm	-	94.000.000	937.304.000	313.610.000	-	1.344.914.000
Thanh lý, nhượng bán	(572.440.392)	(519.240.242)	(160.000.000)	(323.781.005)	-	(1.575.461.639)
Vào ngày 31/12/2019	121.763.014.019	120.971.153.776	21.708.142.478	3.480.356.700	3.062.690.988	270.985.357.961
Giá trị hao mòn lũy kế						
Vào ngày 01/01/2019	93.784.692.506	105.937.100.615	18.031.155.971	2.938.744.418	1.910.173.796	222.601.867.306
Khấu hao trong năm	3.245.911.001	4.628.053.350	558.089.216	301.199.067	105.321.799	8.838.574.433
Thanh lý, nhượng bán	(532.588.974)	(519.240.242)	(160.000.000)	(323.781.005)	-	(1.535.610.221)
Vào ngày 31/12/2019	96.498.014.533	110.045.913.723	18.429.245.187	2.916.162.480	2.015.495.595	229.904.831.518
Giá trị còn lại						
Vào ngày 01/01/2019	28.550.761.905	15.459.293.403	2.899.682.507	551.783.287	1.152.517.192	48.614.038.294
Vào ngày 31/12/2019	25.264.999.486	10.925.240.053	3.278.897.291	564.194.220	1.047.195.393	41.080.526.443
Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng						
Vào ngày 01/01/2019	52.635.023.453	52.156.548.059	14.838.150.584	1.229.257.336	1.107.761.170	121.966.740.602
Vào ngày 31/12/2019	62.082.934.908	63.310.227.347	16.087.884.846	935.476.331	1.107.761.170	143.524.284.602
Giá trị tài sản cố định dùng để thế chấp cho các khoản vay						
Vào ngày 01/01/2019	14.923.678.154	10.463.504.663	-	-	-	25.387.182.817
Vào ngày 31/12/2019	13.626.448.516	6.769.414.822	-	-	-	20.395.863.338

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			VND
Vào ngày 01/01/2019	47.726.874.572	258.393.870	47.985.268.442
Thanh lý, nhượng bán	(412.326.097)	-	(412.326.097)
Vào ngày 31/12/2019	<u>47.314.548.475</u>	<u>258.393.870</u>	<u>47.572.942.345</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Vào ngày 01/01/2019	1.843.820.422	244.461.570	2.088.281.992
Khấu hao trong năm	993.524.024	13.932.300	1.007.456.324
Vào ngày 31/12/2019	<u>2.837.344.446</u>	<u>258.393.870</u>	<u>3.095.738.316</u>
Giá trị còn lại			
Vào ngày 01/01/2019	45.883.054.150	13.932.300	45.896.986.450
Vào ngày 31/12/2019	<u>44.477.204.029</u>	<u>-</u>	<u>44.477.204.029</u>
Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			
Vào ngày 01/01/2019	-	92.195.940	92.195.940
Vào ngày 31/12/2019	<u>-</u>	<u>258.393.870</u>	<u>258.393.870</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty:			
Vào ngày 01/01/2019	44.040.959.754	-	44.040.959.754
Vào ngày 31/12/2019	<u>43.047.435.730</u>	<u>-</u>	<u>43.047.435.730</u>

5.11 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
	VND	VND
Nguyên giá		
Vào ngày 01/01/2019	16.137.653.892	16.137.653.892
Giảm khác (*)	(16.137.653.892)	(16.137.653.892)
Vào ngày 31/12/2019	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Vào ngày 01/01/2019	14.104.574.622	14.104.574.622
Khấu hao trong năm	572.997.247	572.997.247
Giảm khác	(14.677.571.869)	(14.677.571.869)
Vào ngày 31/12/2019	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị còn lại		
Vào ngày 01/01/2019	2.033.079.270	2.033.079.270
Vào ngày 31/12/2019	<u>-</u>	<u>-</u>

(*) Giảm do tài sản được bàn giao cho Ủy Ban Nhân Dân Huyện Châu Phú ngày 05 tháng 08 năm 2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG
 Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2019	Chi phí phát sinh trong năm VND	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm VND	Giảm khác	31/12/2019
	VND		VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định					
Cán tự động TC.30	-	94.000.000	(94.000.000)	-	-
Xe nâng hàng	-	505.000.000	(505.000.000)	-	-
Hệ thống cân ô tô 80 tấn	-	217.250.000	(217.250.000)	-	-
Thiết bị xác định hàm lượng ẩm	-	96.360.000	(96.360.000)	-	-
Xe tải (2,49 Tấn)	-	432.304.000	(432.304.000)	-	-
Xây dựng cơ bản					
Dự án mở rộng Trung tâm Thương mại Nam Châu Đốc	(*) 15.717.711.735	-	-	-	15.717.711.735
Cải tạo Chiatung 1	-	37.588.000	-	-	37.588.000
Bè sắt cho cá ăn	-	25.770.000	-	(25.770.000)	-
Lò hơi 12 tấn/giờ	-	25.580.000	-	-	25.580.000
Sửa chữa lớn tài sản cố định					
Thay tole kho A (Phân xưởng 2)	-	285.351.000	-	(285.351.000)	-
Sửa chữa tài sản cố định khác	-	457.249.455	-	(457.249.455)	-
Vào ngày 31/12/2019	15.717.711.735	2.176.452.455	(1.344.914.000)	(768.370.455)	15.780.879.735

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, dự án mở rộng Trung tâm Thương mại Nam Châu Đốc tại xã Mỹ Đức, huyện Châu Phú với diện tích 22.287,4 m2 tương ứng với tổng giá trị là 15.717.711.735 VND hiện tạm dừng đầu tư để thực hiện chuyển nhượng hoặc khai thác các phương án sử dụng khác có hiệu quả hơn theo đề án tái cơ cấu doanh nghiệp.

(R) (C) (H) (V) (M) (N) (G) (B)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần Bột Mì Đại Phong	-	3.313.347.000
Công ty TNHH Thương Mại Sản Xuất Trại Việt	1.192.250.000	1.917.552.000
Công ty TNHH Thiết Lập	2.036.174.000	2.940.100.000
Công ty Cổ phần Hum	13.576.941.600	-
Các đối tượng khác	8.705.017.198	10.922.481.679
	25.510.382.798	19.093.480.679

5.14 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>		
Ông Trương Văn Sẻ (Bình Hòa)	6.743.601	13.026.146
Bà Bạch Thủy Kiều Phương (Hồng Ngự)	42.353.517	626.465.402
Bà Trần Thị Hoa (An Phú)	267.255.127	196.832.178
Bà Neang Pha Ly (Hà Tiên)	153.375.904	237.353.171
Ông Lê Hữu Tài (Mỹ Tho)	-	154.878.510
Các khách hàng khác	2.071.223.442	807.704.891
	2.540.951.591	2.036.260.298

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2019		Số phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	4.010.388.201	(4.010.388.201)	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (*)	-	30.172.313	77.586.186	(32.672.313)	-	75.086.186
Thuế Thu nhập cá nhân	-	51.420.877	194.517.800	(211.223.595)	-	34.715.082
Thuế Tài nguyên	-	985.600	9.898.560	(10.131.520)	-	752.640
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	2.160.105.764	(2.214.703.729)	54.597.965	-
Các loại thuế khác	-	-	78.600.542	(78.600.542)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	1.941.800	8.009.195	(8.009.195)	-	1.941.800
	-	84.520.590	6.539.106.248	(6.565.729.095)	54.597.965	112.495.708

(*) Số dư thuế thu nhập doanh nghiệp tại ngày 31/12/2019 nộp thừa từ hoạt động kinh doanh chính là 2.500.000 VND

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hoạt động kinh doanh dịch vụ trong nước là không tính thuế, không chịu thuế, 0%, 5% và 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đang áp dụng thuế suất phổ thông 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thuế Thu nhập doanh nghiệp “TNDN” hiện hành

	2019 VND	2018 VND
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(217.019.101)	2.171.092.945
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(2.277.904.244)	(2.303.790.931)
- Các khoản điều chỉnh tăng	654.299.609	589.727.896
- Các khoản điều chỉnh giảm	(2.932.203.853)	(2.893.518.827)
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.494.923.345)	(132.697.986)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành*Thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động kinh doanh bất động sản*

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	417.124.442	5.041.328.527
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(29.193.514)	101.561.592
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	377.039.488
- Các khoản điều chỉnh giảm	(29.193.514)	(275.477.896)
Tổng thu nhập chịu thuế	387.930.928	5.142.890.119
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	387.930.928	5.142.890.119
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp trích bổ sung các năm trước	-	162.395.828
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm	77.586.186	1.028.578.024
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	77.586.186	1.190.973.852

5.16 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Trích trước chi phí lãi vay	106.054.430	372.969.131
Trích trước phí vận chuyển	256.284.670	71.577.000
Trích trước tiền thù lao của HĐQT và BKS	-	384.000.000
Trích trước các khoản chi phí khác	190.287.054	71.667.293
	552.626.154	900.213.424

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.17 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.17.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ	985.437.027	740.029.608
Phải trả về cổ phần hoá	435.857.100	435.857.100
Chiết khấu thương mại phải trả cho khách hàng	-	349.624.454
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	119.039.750	88.910.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác	136.107.050	528.253.328
	1.676.440.927	2.142.674.990

5.17.2 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	317.500.000	444.500.000
	317.500.000	444.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.18 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh An Giang	27.065.330.918	27.065.330.918	363.340.000	363.340.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	44.648.796.789	44.648.796.789	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh An Giang	8.499.854.618	8.499.854.618	39.348.290.887	39.348.290.887
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.000.000.000	1.000.000.000	63.748.021.446	63.748.021.446
Vay cá nhân	494.301.825	494.301.825	1.295.431.825	1.295.431.825
	81.708.284.150	81.708.284.150	104.755.084.158	104.755.084.158

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty là các khoản vay có thời hạn dưới 12 tháng có số dư và lãi suất vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày như sau:

	31/12/2019				01/01/2019			
	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)	Số tiền VND		Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn (tháng)	Số tiền VND	
Vietinbank - CN An Giang	5,7	3	27.065.330.918		5,8	3	363.340.000	
Vietcombank - CN An Giang	5,2 - 5,7	4	44.648.796.789		-	-	-	
BIDV - CN An Giang	5,7	4	8.499.854.618		5,5	4	39.348.290.887	
Ngân hàng HSBC (Việt Nam)	5,8	4	1.000.000.000		4,8	4	63.748.021.446	
Vay cá nhân	5,28	12	494.301.825		5,28	12	1.295.431.825	
			81.708.284.150				104.755.084.158	

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Chi tiết về số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2019	Số tiền vay phát sinh trong năm VND	Số tiền vay đã trả trong năm VND	31/12/2019
	VND			VND
Vietinbank - CN An Giang	(a)	363.340.000	58.408.174.478	(31.706.183.560)
Vietcombank - CN An Giang	(b)	-	199.635.950.088	(154.987.153.299)
BIDV - CN An Giang (VND)	(c)	39.348.290.887	256.574.409.225	(287.422.845.494)
Ngân hàng HSBC (Việt Nam)	(d)	63.748.021.446	66.500.000.000	(129.248.021.446)
Vay cá nhân	(e)	1.295.431.825	731.889.000	(1.533.019.000)
	104.755.084.158	581.850.422.791	(604.897.222.799)	81.708.284.150

(a) Đây là khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng : 100.000.000.000 VND
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động chế biến kinh doanh lương thực, nguyên liệu nhập khẩu, thức ăn chăn nuôi
- Hình thức đảm bảo : Thế chấp tài sản và bất động sản.
- Giá trị tài sản thế chấp : Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2019 là 30.171.284.890 VND.

(b) Đây là khoản vay của Hợp đồng cho vay theo hạn mức của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng : 130.000.000.000 VND
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi, tạo chân hàng, xuất khẩu lương thực.
- Hình thức đảm bảo : Thế chấp tài sản và bất động sản.
- Giá trị tài sản thế chấp : Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2019 là 22.593.881.015 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- (c) Đây là khoản vay của Hợp đồng cho vay theo hạn mức của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh An Giang với chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 100.000.000.000 VND
Mục đích vay	: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C,...
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản và bất động sản.
Giá trị tài sản thế chấp	: Giá trị còn lại của Tài sản được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2019 là 6.828.268.575 VND.

- (d) Đây là khoản vay của của Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) với các chi tiết như sau:

Hạn mức tín dụng	: 6.400.000 USD quy đổi VND tương đương.
Mục đích vay	: Đáp ứng nhu cầu vốn của Công ty cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đầu tư phát triển, nhu cầu dịch vụ thương mại.
Hình thức đảm bảo	: Thế chấp tài sản cố định, các khoản phải thu và hàng hóa trong kho.
Giá trị tài sản thế chấp	: Giá trị còn lại của Tài sản cố định được đem đi thế chấp tại ngân hàng tại ngày 31/12/2019 là 3.849.864.588 VND. Và Thế chấp các khoản phải thu 3,2 triệu USD, giá trị hàng hóa trong kho 3,2 triệu USD.

- (e) Đây là khoản vay cá nhân với lãi suất bằng với lãi suất thị trường theo từng thời điểm vay vốn. Thời hạn cho vay không quá 12 tháng. Phương thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

5.19 Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	01/01/2019	Trích quỹ trong năm	Chi quỹ trong năm	31/12/2019
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng	1.324.889.905	301.072.381	(1.040.000.000)	585.962.286
Quỹ phúc lợi	5.287.646	-	-	5.287.646
	<u>1.330.177.551</u>	<u>301.072.381</u>	<u>(1.040.000.000)</u>	<u>591.249.932</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.20 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")

5.20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2018					
Lãi trong kỳ	350.000.000.000	4.875.078.692	2.002.602.581	14.371.097.437	371.248.778.710
Điều chuyển quỹ	-	-	-	6.021.447.620	6.021.447.620
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	2.002.602.581	(2.002.602.581)	-	-
Chia cổ tức năm 2017	-	1.077.832.308	-	(1.077.832.308)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(12.250.000.000)	(12.250.000.000)
Tại ngày 31/12/2018	350.000.000.000	7.955.513.581	-	(1.005.976.821)	(1.005.976.821)
				6.058.735.928	364.014.249.509
Tại ngày 01/01/2019					
Lãi trong năm	350.000.000.000	7.955.513.581	-	6.058.735.928	364.014.249.509
Trích lập các quỹ	-	-	-	122.519.155	122.519.155
Chia cổ tức năm 2018	-	301.072.381	-	(301.072.381)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(5.250.000.000)	(5.250.000.000)
Tại ngày 31/12/2019	350.000.000.000	8.256.585.962	-	(301.072.381)	(301.072.381)
				329.110.321	358.585.696.283



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.20.2 Chi tiết vốn góp đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Vốn góp Nhà nước - Tổng Công ty Đầu Tư và Kinh Doanh Vốn Nhà Nước (SCIC)	178.500.000.000	51,00%	178.500.000.000	51,00%
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty Cổ Phần	71.816.500.000	20,52%	71.816.500.000	20,52%
Công Ty TNHH MTV Xổ Số Kiến Thiết An Giang	30.187.500.000	8,63%	30.187.500.000	8,63%
Cổ đông khác	69.496.000.000	19,85%	69.496.000.000	19,85%
	350.000.000.000	100,00%	350.000.000.000	100,00%

5.20.3 Cổ phiếu

	31/12/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	35.000.000	35.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	35.000.000	35.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/Cổ phần		

5.20.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận 2018 Theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông số 24/2019/NQ.ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2019:

	VND
Chia cổ tức trong năm (1,5% Vốn điều lệ)	5.250.000.000
Trích lập các quỹ	602.144.762
Trong đó:	
- Quỹ đầu tư phát triển (5% Lợi nhuận sau thuế)	301.072.381
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5% Lợi nhuận sau thuế)	301.072.381

5.21 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2019	01/01/2019
Dollar Mỹ (USD)	5.394,83	13.336,86
Euro (EUR)	238,99	249,91

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****6.1.1 Tổng Doanh thu**

	2019	2018
	VND	VND
Doanh thu hàng hóa, thành phẩm	770.209.989.698	848.387.345.827
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.778.084.182	16.804.288.569
Doanh thu kinh doanh bất động sản	250.000	18.994.951.659
	784.988.323.880	884.186.586.055

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	2019	2018
	VND	VND
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty Cổ Phần	-	21.274.301.880
	-	21.274.301.880

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	2019	2018
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	11.128.787.657	13.031.439.196
Hàng bán bị trả lại	711.932.600	892.691.729
	11.840.720.257	13.924.130.925

6.3 Giá vốn hàng bán

	2019	2018
	VND	VND
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm	712.242.360.583	796.165.440.736
Giá vốn của dịch vụ	11.082.697.733	13.179.906.106
Giá vốn kinh doanh bất động sản	-	12.267.248.472
Chi phí/ (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.120.760.216)	1.117.118.434
	722.204.298.100	822.729.713.748

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	5.047.403	1.163.540.621
Lãi góp vốn liên doanh	2.932.203.853	2.525.762.433
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	108.031.654	784.423.209
Lãi trễ hạn thanh toán	-	220.934.145
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	10.684.932
	3.045.282.910	4.705.345.340

6.5 Chi phí tài chính

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	5.776.416.006	4.324.664.436
Chiết khấu thanh toán	1.760.642.498	1.238.456.301
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	105.414.134	368.564.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	25.595	17.390.221
	7.642.498.233	5.949.075.135

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.6 Chi phí bán hàng

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	3.208.908.735	3.324.983.930
Chi phí vật liệu, bao bì	532.060.254	1.395.122.278
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	65.434.805	150.047.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	679.563.125	1.031.804.828
Chi khuyến mãi, phát triển thị trường	6.682.670.680	5.363.134.151
Chi phí vận chuyển	5.302.370.009	7.181.867.721
Chi phí bán hàng khác	6.260.891.895	8.479.561.067
	22.731.899.503	26.926.521.552

6.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2019	2018
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.495.508.553	4.677.654.499
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	146.460.243	133.988.295
Chi phí khấu hao tài sản cố định	177.777.904	302.846.496
Chi phí thuế, lệ phí	103.443.123	392.866.853
Chi phí dự phòng	895.898.489	(600.000.000)
Chi phí giá trị lợi thế kinh doanh	5.657.357.532	5.657.357.532
Chi phí quản lý khác	2.440.889.310	2.691.570.823
	13.917.335.154	13.256.284.498

6.8 Thu nhập khác

	2019	2018
	VND	VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	1.411.133.393	12.272.727
<i>Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định</i>	<i>1.894.890.908</i>	<i>12.272.727</i>
<i>Giá trị còn lại của tài sản cố định</i>	<i>(483.757.515)</i>	-
Thu từ bán heo loại, công cụ lao động	581.133.274	1.514.792.547
Thu nhập từ bồi thường hao hụt	121.970.397	85.494.000
Thu nhập từ chiết khấu hàng hóa	-	129.457.363
Bồi thường, phạt vi phạm	-	140.000.000
Thu nhập khác	130.990.700	20.841.250
	2.245.227.764	1.902.857.887

6.9 Chi phí khác

	2019	2018
	VND	VND
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư bàn giao UBND Huyện Châu Phú	1.460.082.023	-
Giá trị còn lại của heo loại, công cụ lao động	331.669.319	654.831.738
Giá trị heo tiêu hủy do dịch tả lợn Châu Phi	9.699.887.168	-
Bồi thường hao hụt hàng hóa	51.156.000	84.966.000
Chi phí khác	199.183.456	56.844.214
	11.741.977.966	796.641.952

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

6.10 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2019 VND	2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	122.519.155	6.021.447.620
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	122.519.155	6.021.447.620
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	35.000.000	35.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4	172

6.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2019 VND	2018 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	793.641.232.774	848.729.167.455
Chi phí nhân công	32.297.436.418	29.977.863.838
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.419.028.004	11.576.007.203
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.006.045.411	46.609.316.930
Chi phí khác	21.100.103.207	20.296.878.013
	902.463.845.814	957.189.233.439

7 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	2019 VND	2018 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	581.850.422.791	719.980.997.908
	581.850.422.791	719.980.997.908

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	2019 VND	2018 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	604.897.222.799	627.291.325.648
	604.897.222.799	627.291.325.648

8 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, và các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Ngày 31 tháng 12 năm 2019			
Các khoản vay và nợ	81.708.284.150	-	81.708.284.150
Phải trả người bán, phải trả khác	25.765.529.598	317.500.000	26.083.029.598
Chi phí phải trả	552.626.154	-	552.626.154
	108.026.439.902	317.500.000	108.343.939.902
Ngày 01 tháng 01 năm 2019			
Các khoản vay và nợ	104.755.084.158	-	104.755.084.158
Phải trả người bán, phải trả khác	20.060.268.961	444.500.000	20.504.768.961
Chi phí phải trả	900.213.424	-	900.213.424
	125.715.566.543	444.500.000	126.160.066.543

Tài sản đảm bảo

Công ty đã cầm cố hàng tồn kho, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị, đất đai và các khoản đầu tư của mình vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.7, 5.9, 5.10).

Giá trị hợp lý

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019	Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	47.569.362.549	44.973.201.088	47.569.362.549	44.973.201.088
Phải thu các bên liên quan	-	5.928.919.631	-	5.928.919.631
Các khoản phải thu khác	221.606.415	306.069.687	221.606.415	306.069.687
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.284.302.038	5.988.269.945	3.284.302.038	5.988.269.945
Tổng Cộng	51.075.271.002	57.196.460.351	51.075.271.002	57.196.460.351
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	81.708.284.150	104.755.084.158	81.708.284.150	104.755.084.158
Phải trả người bán	25.510.382.798	19.093.480.679	25.510.382.798	19.093.480.679
Phải trả khác	572.646.800	1.411.288.282	572.646.800	1.411.288.282
Chi phí phải trả	552.626.154	900.213.424	552.626.154	900.213.424
Tổng Cộng	108.343.939.902	126.160.066.543	108.343.939.902	126.160.066.543

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

9 CÁC THÔNG TIN KHÁC**9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2019	2018
	VND	VND
Lương, thưởng và thù lao	1.260.900.000	1.190.000.000

9.1.2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Giao dịch và số dư với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

Giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh, liên kết:

	2019	2018
	VND	VND
Công ty TNHH Sài Gòn - Châu Đốc		
Lãi góp vốn liên doanh	1.310.150.712	611.442.853

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

	2019	2018
	VND	VND
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty Cổ Phần		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	21.274.301.880
Phí giao nhận, phí ủy thác	-	175.836.384

Công nợ phải thu với bên liên quan khác như sau:

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam - Công ty Cổ Phần		
Phải thu tiền bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	5.928.919.631

9.2 Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận của Công ty chủ yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

9.2.1. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản
- Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ VND	Cộng VND
2019			
Doanh thu thuần	758.369.269.441	14.778.334.182	773.147.603.623
Chi phí chờ phân bổ	(711.121.600.367)	(11.082.697.733)	(722.204.298.100)
Kết quả kinh doanh bộ phận	47.247.669.074	3.695.636.449	50.943.305.523
Chi phí không phân bổ			(36.649.234.657)
Thu nhập hoạt động tài chính			3.045.282.910
Chi phí hoạt động tài chính			(7.642.498.233)
Thu nhập khác			2.245.227.764
Chi phí khác			(11.741.977.966)
Lợi nhuận trước thuế			200.105.341
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(77.586.186)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			122.519.155
Vào ngày 31/12/2019			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	407.651.824.710	16.170.370.789	423.822.195.499
Tài sản không phân bổ			49.536.096.991
Tổng tài sản	407.651.824.710	16.170.370.789	473.358.292.490
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	257.842.297.941	16.657.022.235	274.499.320.176
Nợ phải trả không phân bổ			(159.726.723.969)
Tổng nợ phải trả	257.842.297.941	16.657.022.235	114.772.596.207

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG SẢN THỰC PHẨM AN GIANG

Địa chỉ: Số 2045, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Thới, Thành phố Long Xuyên, Tỉnh An Giang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Hoạt động kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản VND	Hoạt động kinh doanh bất động sản và dịch vụ VND	Cộng VND
2018			
Doanh thu thuần	834.463.214.902	35.799.240.228	870.262.455.130
Chi phí chờ phân bổ	(797.282.559.170)	(25.447.154.578)	(822.729.713.748)
Kết quả kinh doanh bộ phận	37.180.655.732	10.352.085.650	47.532.741.382
Chi phí không phân bổ			(40.182.806.050)
Thu nhập hoạt động tài chính			4.705.345.340
Chi phí hoạt động tài chính			(5.949.075.135)
Thu nhập khác			1.902.857.887
Chi phí khác			(796.641.952)
Lợi nhuận trước thuế			7.212.421.472
Chi phí thuế TNDN hiện hành			(1.190.973.852)
Lợi nhuận sau thuế TNDN			6.021.447.620
Vào ngày 01/01/2019			
Tài sản và nợ phải trả			
Tài sản của bộ phận	415.632.091.493	19.221.294.335	434.853.385.828
Tài sản không phân bổ			60.781.925.371
Tổng tài sản	415.632.091.493	19.221.294.335	495.635.311.199
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	266.632.091.493	17.612.610.385	284.244.701.878
Nợ phải trả không phân bổ			(152.623.640.188)
Tổng nợ phải trả	266.632.091.493	17.612.610.385	131.621.061.690

9.2.2 Thông tin về khu vực địa lý

Thông tin thuyết minh về khu vực địa lý bao gồm nội địa và xuất khẩu. Tuy nhiên doanh thu xuất khẩu chiếm tỷ trọng nhỏ nên Công ty không trình bày.

9.3 Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



TRƯƠNG THỊ THU HƯƠNG
Người lập



TRẦN KIM UYÊN
Kế toán trưởng



NGUYỄN THANH XUÂN
Tổng Giám đốc
An Giang, ngày 28 tháng 02 năm 2020